

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

LÊ PHƯƠNG LIÊN

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

HÀ NỘI, NĂM 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

LÊ PHƯƠNG LIÊN

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 60.34.04.10

NGƯỜI HƯỚNG DẪN: PGS.TS Nguyễn Xuân Phú

HÀ NỘI, NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các thông tin, tài liệu trích dẫn trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào trước đây.

Tác giả luận văn

Lê Phương Liên

LỜI CẢM ƠN

Tác giả luận văn xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc: Tập thể các Giáo sư, Tiến sỹ, cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Thủy Lợi đã tận tình giảng dạy và giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Xin được cảm ơn Ban giám hiệu, các phòng, các khoa, bộ môn và các bạn đồng nghiệp của Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã tạo điều kiện thuận lợi cung cấp số liệu, tài liệu, tham gia góp ý kiến cho tôi hoàn thành luận văn này.

Đặc biệt xin gửi lời cảm ơn PGS.TS Nguyễn Xuân Phú đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu thực hiện Đề tài, nhưng do điều kiện nghiên cứu và sự hiểu biết còn hạn chế, luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô và đồng nghiệp.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Phương Liên

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	viii
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VÀ TRUNG CẤP NGHỀ.....	5
1.1 Khái niệm về kế toán quản trị.....	5
1.2 Mục tiêu, vai trò và nội dung của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề	6
1.2.1 Mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng và Trung cấp.....	6
1.2.2 Vị trí và vai trò của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng và Trung cấp	7
1.2.3 Những nội dung chủ yếu của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng và Trung cấp.....	8
1.3 Chỉ tiêu đánh giá kế toán quản trị.....	9
1.4 Kinh nghiệm về kế toán quản trị ở các đơn vị sự nghiệp	10
1.4.1 Thực trạng về hệ thống kế toán tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	10
1.4.2 Thực trạng về tình hình nhân lực và trình độ quản lý tại các trường chuyên nghiệp	15
1.4.3 Thực trạng về công tác kế toán tại các trường	15
1.4.4 Đánh giá chung về thực trạng hệ thống kế toán và vận dụng nội dung kế toán quản trị tại các đơn vị.....	16

Kết luận chương 1.....	18
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN.....	19
2.1 Giới thiệu khái quát về trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn.....	19
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Trường.....	19
2.1.2 Tổ chức bộ máy chung của trường	23
2.2 Thực trạng về hệ thống kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	25
2.2.1 Nội dung công tác kế toán quản trị đã thực hiện	25
2.2.2 Hệ thống dự toán ngân sách.....	26
2.2.3 Phân tích các chỉ tiêu kết quả đạt được.....	28
2.2.4 Nhận xét hệ thống kế toán và kế toán quản trị.....	52
2.3 Đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục	57
2.3.1 Kết quả đạt được trong công tác kế toán	57
2.3.2 Hạn chế, tồn tại trong công tác kế toán.....	58
2.3.3 Nguyên nhân hạn chế tồn tại.....	59
Kết luận chương 2.....	61
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN.....	62
3.1 Định hướng đầu tư phát triển của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	62
3.1.1 Mục tiêu tổng quát	62
3.1.2 Mục tiêu cụ thể đến năm 2020.....	63
3.2 Các vấn đề đặt ra khi vận dụng kế toán quản trị vào trường cao đẳng nghề Lạng Sơn.....	64

3.2.1 Hoàn thiện việc phân tích đánh giá báo cáo tài chính.....	64
3.2.2 Tổ chức bộ máy kế toán quản trị.....	65
3.3 Các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn ...	66
3.3.1 Xây dựng dự toán theo định hướng phát triển	67
3.3.2 Phân tích các biến động chi phí	73
3.3.3 Các giải pháp vận dụng kế toán quản trị Doanh nghiệp vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	76
3.3.4 Thông tin kế toán cho việc ra quyết định.....	77
3.3.5 Kiểm soát chất lượng toàn diện (TQC).....	80
3.3.6 Xây dựng những nội dung chưa có trong kế toán quản trị.....	84
Kết luận chương 3.....	88
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	89
PHỤ LỤC	94

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	24
Hình 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.....	24
Hình 2.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán.....	52
Hình 2.4. Môi quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị	56
Hình 3.1. Tổ chức bộ máy kế toán quản trị tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	66
Hình 3.2. Môi quan hệ giữa chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp và đối tượng tập hợp chi phí.....	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Khảo sát công tác kế toán tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.....	11
Bảng 2.1. Dự toán thu năm 2014.....	29
Bảng 2.2. Dự toán thu năm 2015.....	30
Bảng 2.3. Dự toán thu năm 2016.....	31
Bảng 2.4. Dự toán chi năm 2014.....	32
Bảng 2.5. Dự toán chi năm 2015.....	37
Bảng 2.6. Dự toán chi năm 2016.....	42
Bảng 2.7. Nhận xét và so sánh về kế toán tài chính và kế toán quản trị.....	55
Bảng 3.1. Dự toán thu nhập năm học 2017-2018.....	71
Bảng 3.2. Dự toán chi phí năm học 2017-2018.....	71
Bảng 3.3. Phân tích biến động chi phí cho bộ phận.....	75
Bảng 3.4. Phân tích biến động biến phí.....	75

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
CĐN	Cao đẳng nghề
CHLB	Công hòa liên bang
CTMT	Chương trình mục tiêu
HSSV	Học sinh, sinh viên
KTXH	Kinh tế xã hội
NSNN	Ngân sách nhà nước
NNL	Nguồn nhân lực
LĐ-TB&XH	Lao động - thương binh xã hội
TCN	Trung cấp nghề
QĐ	Quyết định
QTTB	Quản trị thiết bị
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1 Tính cấp thiết của đề tài

Kế toán là một công cụ quan trọng của mọi tổ chức, kể cả tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức phi lợi nhuận. Nó có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính.

Tuy nhiên, để kế toán có thể phát huy một cách tốt nhất các chức năng của mình đó là chức năng thông tin và chức năng kiểm tra thì cần phải xây dựng một hệ thống kế toán hoàn chỉnh bao gồm cả hai phân hệ là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trong đó kế toán tài chính phản ánh thông tin xảy ra trong quá khứ, mang tính khách quan. Còn thông tin do kế toán quản trị cung cấp mang tính linh hoạt, phản ánh xu hướng biến động, có tính dự báo, có thể phục vụ cho việc đánh giá và xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với mục tiêu đã được xác lập.

Vì vậy có thể nói, việc xây dựng hệ thống kế toán hoàn chỉnh trong đó đề cao vai trò của kế toán quản trị là một vấn đề quan trọng cho mọi đơn vị kế toán. Thế nhưng, cho đến nay ở nước ta, nhận thức và hiểu biết về kế toán quản trị vẫn còn hạn chế. Việc xác định nội dung, phạm vi kế toán quản trị chủ yếu phụ thuộc vào quan điểm của các nhà quản trị. Khi nói về khái niệm kế toán thì đa phần chúng ta nghĩ ngay đến kế toán tài chính mặc dù hệ thống kế toán Việt Nam vẫn có những biểu hiện nhất định của kế toán quản trị. Ngay cả Luật kế toán cũng chỉ nặng về kế toán tài chính. Mãi cho đến Thông tư 53/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006 của Bộ Tài chính mới có hướng dẫn kế toán quản trị cho doanh nghiệp.

Như chúng ta thấy, đất nước đang trong thời kỳ mở cửa hội nhập không chỉ cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà cả trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích cũng cạnh tranh và ngày càng có xu hướng thương mại hoá. Nhu cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công ích của các đối tượng trong xã hội ngày càng cao và đòi hỏi chất lượng cũng tăng lên. Ngày nay các khối trường chuyên nghiệp từ Trung cấp đến Đại học đã có rất nhiều trường tự chủ 100%, ngoài ra các trường còn lại đa phần là tự chủ một phần kinh phí hoạt động trong đơn vị. Vì vậy việc quản lý, vận hành hoạt động của các trường chuyên nghiệp cũng mang tính chất như

Doanh nghiệp. Với tính chất như vậy thì trường cao đẳng nghề Lạng Sơn cũng chịu sự tác động của các ảnh hưởng trên, vì vậy muốn đứng vững và phát triển thì phải sử dụng nguồn tài chính của mình như thế nào để tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao, đó là công việc của lãnh đạo đơn vị, mà điều này phụ thuộc rất nhiều vào thông tin do kế toán cung cấp.

Vì vậy, việc vận dụng kế toán quản trị với những nội dung phù hợp trong điều kiện môi trường hoạt động của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn vừa là đơn vị hoạt động mang tính chất của cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước tự chủ một phần, vừa có hoạt động dịch vụ thương mại theo nhu cầu xã hội là rất cần thiết có thể hoạt động hiệu quả hơn nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà quản lý trong quá trình điều hành và kiểm soát hoạt động chuyên môn và dịch vụ thương mại theo nhu cầu của xã hội

2 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là phân tích, đánh giá công tác kế toán quản trị tại trường cao đẳng nghề Lạng Sơn, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp tổ chức thực hiện kế toán quản trị cho đơn vị, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn.

3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán quản trị vận dụng tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn.

b. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu về không gian của đề tài là kế toán trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn.

Phạm vi nghiên cứu về thời gian:

- Phạm vi thời gian phân tích: Giai đoạn: 2010-2015

- Phạm vi giải pháp: Giai đoạn 2016-2020

4 Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp chung là nghiên cứu lý luận về kế toán quản trị theo quan điểm phát triển, thống kê, phân tích, định lượng, kết hợp xem xét tình hình thực tiễn về kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn để ứng dụng lý luận vào thực tiễn.

5 Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

a. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Về mặt cơ sở lý luận, luận văn góp phần hệ thống hóa, cập nhật công tác kế toán quản trị làm rõ bản chất của kế toán quản trị, khẳng định vai trò và vị trí của kế toán quản trị trong tổ chức.

b. Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Về ý nghĩa thực tiễn, luận văn góp phần xây dựng các nội dung kế toán quản trị có thể vận dụng trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn chẳng hạn như vận dụng mô hình phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng – hiệu quả để xác định chất lượng trong công tác đào tạo của trường, vận dụng nội dung kiểm soát chất lượng toàn diện trong công tác đào tạo của trường, các loại hình dịch vụ, thương mại... để giúp hệ thống kế toán tại trường cao đẳng nghề Lạng Sơn có thể hoạt động hiệu quả hơn nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà quản lý trong quá trình điều hành và kiểm soát hoạt động chuyên môn và các loại hình dịch vụ thương mại. Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ sở dạy nghề có mô hình hoạt động tương đồng trên phạm vi cả nước

6 Kết quả dự kiến đạt được

- Nghiên cứu hệ thống kế toán tài chính và kế toán quản trị của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn.
- Hoàn thiện kế toán quản trị áp dụng cho trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn.
- Phân tích thực trạng hệ thống kế toán tại các đơn vị hiện nay, chỉ ra những hạn chế của hệ thống làm ảnh hưởng đến công tác quản lý của đơn vị.

- Hệ thống hoá một số nội dung cơ bản của kế toán quản trị có thể vận dụng được vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn. Nêu lên mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong đơn vị nhằm phát huy tốt nhất vai trò của kế toán trong việc cung cấp thông tin phục vụ cho nhu cầu quản lý.
- Đưa ra những giải pháp có thể vận dụng cho trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VÀ TRUNG CẤP NGHỀ

1.1 Khái niệm về kế toán quản trị

- Kế toán: Là quá trình xác định, ghi chép, tổng hợp và báo cáo các thông tin kinh tế cho người ra quyết định. Những phương pháp mà một doanh nghiệp sử dụng để ghi chép và tổng hợp thành hệ thống kế toán. Kế toán gồm hai bộ phận: Kế toán quản trị và kế toán tài chính.

- Kế toán quản trị: là lĩnh vực chuyên môn của kế toán nhằm nắm bắt các vấn đề về thực trạng tài chính của doanh nghiệp qua đó phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định quản trị.

Nhiều người khi nghe nói đến kế toán thì nghĩ rằng kế toán chỉ là công việc ghi chép sổ sách về tình hình tài chính diễn ra hàng ngày tại một đơn vị, tính toán chi phí, lợi nhuận,... và đến cuối kỳ (quý, năm) thì lập các báo cáo tài chính theo quy định nộp cho cơ quan chức năng. Có nghĩa là kế toán chỉ cần ghi chép lại một cách chính xác những nghiệp vụ kinh tế đã xảy ra là đủ. Nếu vậy thì chỉ nhìn thấy kế toán như một công việc thụ động, thực ra kế toán còn là một công cụ quản lý rất quan trọng trong mọi tổ chức, hệ thống thông tin kế toán là một trong những hệ thống thông tin quản lý cần thiết cho các nhà quản lý. Nó cung cấp thông tin nhằm mục đích:

- Thứ nhất: Thuyết minh rõ ràng và chính xác các chiến lược cũng như các kế hoạch phát triển lâu dài của tổ chức.

- Thứ hai: Hỗ trợ việc phân bổ các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) của tổ chức một cách hợp lý và có hiệu quả nhất.

- Thứ ba: Lập kế hoạch chi phí và kiểm soát chi phí đối với các mặt hoạt động và các quá trình trong tổ chức.

- Thứ tư: Đo lường và đánh giá trách nhiệm cá nhân.

- Thứ năm: Lập các báo cáo theo quy định của chế độ báo cáo kế toán Nhà nước. Trong năm mục đích trên thì mục đích cuối cùng thuộc về kế toán tài chính, còn lại là thuộc lĩnh vực nghiên cứu của kế toán quản trị. Như vậy có thể thấy một hệ thống kế toán đầy đủ phải bao gồm cả 2 phân hệ là kế toán tài chính và kế toán quản trị. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về kế toán quản trị:

Chẳng hạn, theo luật kế toán Việt Nam (2003) thì kế toán quản trị được định nghĩa như sau: “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.”

Theo định nghĩa của viện kế toán viên quản trị Hoa Kỳ: “Kế toán quản trị là quá trình nhận diện, đo lường, tổng hợp, phân tích, soạn thảo, diễn giải và truyền đạt thông tin được nhà quản trị sử dụng để lập kế hoạch, đánh giá và kiểm tra trong nội bộ tổ chức, và để đảm bảo việc sử dụng hợp lý và có trách nhiệm đối với các nguồn lực của tổ chức đó.”

Theo định nghĩa của Robert S.Kaplan và Anthony A.Atkinson: “Kế toán quản trị là hệ thống kế toán cung cấp thông tin cho những nhà quản lý trong việc lập kế hoạch và kiểm soát hoạt động của đơn vị. Hoạt động của kế toán quản trị bao gồm việc thu thập, sắp xếp, phân loại, xử lý, phân tích và báo cáo thông tin cho nhà quản trị. Không như thông tin do kế toán tài chính cung cấp cho những người sử dụng bên ngoài đơn vị như nhà đầu tư, chủ nợ, nhà cung cấp và cơ quan thuế, thông tin kế toán quản trị giúp cho việc ra quyết định trong nội bộ đơn vị.”

Theo tự điển thuật ngữ kế toán của R.H Parker (1992): “Kế toán quản trị là một bộ phận của kế toán, liên quan đến việc cung cấp các báo cáo nội bộ cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Nó nhấn mạnh đến việc kiểm soát và ra quyết định.

1.2 Mục tiêu, vai trò và nội dung của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề

1.2.1 Mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng và Trung cấp

1.2.1.1 Mục tiêu của kế toán quản trị

Mục tiêu cơ bản của kế toán quản trị là cung cấp thông tin cho lãnh đạo đơn vị để ra quyết định quản trị có trọng tâm, giúp lãnh đạo đơn vị chủ động tham gia vào quá trình quản trị, điều hành hoạt động. Cung cấp thông tin: Thu thập và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị mọi cấp nhằm hoạch định, đánh giá và quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh. Tham gia vào quá trình quản trị: quá trình quản trị bao gồm ra quyết định chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp.

1.2.1.2 Nhiệm vụ của kế toán quản trị

- Thống kê các nguồn lực của tổ chức với mục đích kiểm soát và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.
- Kiểm soát và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ nhằm điều chỉnh các hoạt động cần thiết để đạt được mục tiêu đề ra.
- Hoạch định: đây chính là quá trình xây dựng mục tiêu.
- Dự báo và đánh giá dự báo.

1.2.2 Vị trí và vai trò của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng và Trung cấp

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh hay thực hiện cung cấp dịch vụ công cộng được giao, bất kỳ một tổ chức nào cũng phải lập kế hoạch cho hoạt động của mình. Từ kế hoạch chung của tổ chức, các bộ phận triển khai thành các mục tiêu cụ thể để thực hiện và kiểm tra kết quả thực hiện các mục tiêu này. Trong quá trình thực hiện các mục tiêu đề ra, cần phải quản lý các quy trình cụ thể, chi tiết hơn như quản lý vật tư, tài sản cố định,...

Kế toán quản trị là công cụ đánh giá việc thực hiện những mục tiêu thông qua việc phân tích chi phí, là công cụ kiểm tra quá trình thực hiện hoạt động theo kế hoạch đã đề ra, từ đó có những quyết định hợp lý để hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Vai trò của kế toán quản trị là cung cấp thông tin hữu ích liên quan đến việc lập kế hoạch, tổ chức, điều hành hoạt động, kiểm tra và ra quyết định.

- Cung cấp thông tin cho quá trình lập kế hoạch: Việc lập kế hoạch trong một tổ chức phụ thuộc vào 2 yếu tố là mục tiêu hoạt động của tổ chức và dự toán ngân sách. Do đó kế toán quản trị phải cung cấp thông tin liên quan đến từng hoạt động về chi phí, doanh thu, hiệu quả công việc cho nhà quản trị để lập kế hoạch trong tương lai nhằm phát triển tổ chức.
- Cung cấp thông tin cho quá trình tổ chức điều hành hoạt động: Kế toán quản trị phải tổ chức ghi chép, xử lý thông tin, sắp xếp thông tin phù hợp cho từng tình huống khác nhau để các nhà quản trị xem xét ra quyết định đúng đắn nhất trong quá trình điều hành hoạt động.
- Cung cấp thông tin cho quá trình kiểm soát: Để giúp các nhà quản trị có thể kiểm soát được hoạt động, kế toán quản trị sẽ cung cấp những báo cáo thực hiện và đánh giá việc thực hiện thông qua việc so sánh với dự toán.
- Cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định: Kế toán quản trị phải cung cấp thông tin linh hoạt, kịp thời cho nhà quản trị để ra các quyết định thích hợp.

1.2.3 Những nội dung chủ yếu của kế toán quản trị trong các trường Cao đẳng và Trung cấp

Hệ thống kế toán quản trị bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Thiết lập hệ thống kế toán chi phí: hệ thống kế toán chi phí được thiết lập để cho biết tổ chức hoạt động có hiệu quả hay không thông qua các thông tin quá khứ cần thiết về chi phí. Ở nội dung này kế toán quản trị sử dụng kỹ thuật nghiệp vụ như:
 - Phân loại chi phí theo những tiêu thức thích hợp để đáp ứng mục tiêu quản lý cụ thể.
 - Tập hợp chi phí theo quá trình hoặc theo công việc để tính giá thành sản phẩm.
 - Phân bổ những chi phí mang tính chất chung.
- Lập dự toán ngân sách: Lập dự toán ngân sách là công cụ quan trọng phục vụ cho việc hoạch định và kiểm soát. Thông qua dự toán nhà quản trị tiến hành đánh giá tình hình thu, chi dựa theo kế hoạch và thực tế đạt được trong phạm vi ngân sách đã dự

toán, thấy được những thay đổi so với dự toán. Kỹ thuật nghiệp vụ sử dụng là thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được để phân tích chênh lệch.

- Kế toán các trung tâm trách nhiệm: là công cụ đánh giá trách nhiệm của các cấp quản lý khác nhau đối với kết quả hoạt động của chính bộ phận mình quản lý. Kế toán sử dụng kỹ thuật nghiệp vụ là thiết lập các báo cáo quản lý.

- Thiết lập thông tin kế toán quản trị cho việc ra quyết định và có dự báo: Nội dung cụ thể là phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận (phân tích CVP) và phân tích điểm hoà vốn để ra các quyết định về sản xuất và tiêu thụ; phân tích thông tin kế toán quản trị để ra các quyết định đầu tư ngắn hạn, dài hạn. Kỹ thuật nghiệp vụ sử dụng là biểu thị mối quan hệ của thông tin bằng các phương trình đại số, bằng đồ thị.

1.3 Chỉ tiêu đánh giá kế toán quản trị

Chỉ tiêu đánh giá bao gồm các tiêu chí: Thu – Chi, chi phí, khối lượng, lợi nhuận . . . Kế toán quản trị áp dụng cho mọi thành phần kinh tế và mọi lĩnh vực kinh doanh, kể cả các tổ chức phi lợi nhuận bởi vì bất cứ một tổ chức nào, dù mục đích của họ là lợi nhuận hay phi lợi nhuận cũng đều tiến hành các hoạt động nhằm cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng. Mọi tổ chức đều có khách hàng và không tổ chức nào có thể tồn tại lâu dài nếu không đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng. Có thể nói mọi tổ chức đều mong muốn tối thiểu hoá chi phí đầu vào và tối đa hoá kết quả đầu ra để đạt hiệu quả cao nhất. Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn cũng không phải là ngoại lệ, nhà trường cũng cần phải hoạch định, kiểm soát chi phí, đánh giá trách nhiệm cá nhân, đánh giá việc hoàn thành mục tiêu đề ra và ra các quyết định thích hợp. Hơn nữa, trong giai đoạn nền kinh tế mở cửa hội nhập, sự cạnh tranh cũng đã, đang diễn ra trong lĩnh vực đào tạo, do đó, để thu hút được học sinh, sinh viên và thu hút được nguồn tài trợ, buộc các nhà quản lý phải xây dựng được thương hiệu của trường mình, nghĩa là phải làm sao để sản phẩm giáo dục đạt chất lượng toàn diện, chứng tỏ được khả năng quản lý của mình thật sự hiệu quả. Mặt khác, cũng do sự cạnh tranh ngày càng cao trong giáo dục nên chi phí cho giáo dục ngày càng tăng, đến một lúc nào đó ngân sách Nhà nước không thể cấp phát nữa thì buộc các trường chuyên nghiệp công lập phải tự chủ hoàn toàn về mặt tài chính cũng

như tất cả các mặt khác. Điều này đặt ra cho nhà trường phải tiến hành phân tích chi phí, phân tích hiệu quả hoạt động và khai thác mọi tiềm năng của đơn vị để thu được thặng dư cao nhất. Kế toán quản trị là một công cụ quan trọng để thực hiện được những điều đó.

Như vậy, có thể nói việc vận dụng kế toán quản trị vào các trường chuyên nghiệp nói chung và với trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn nói riêng với những nội dung thích hợp là một tất yếu khách quan tuy nó diễn ra có hơi chậm hơn so với lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này là do giáo dục đào tạo có đặc thù riêng là không vì mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên có thể khẳng định lại rằng dù chậm nhưng nó vẫn phải diễn ra cho phù hợp với xu thế hiện nay và sau này vì Chính phủ đang hướng tới cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp. Vì vậy hướng tới các trường chuyên nghiệp cũng cần phải tính đến lợi nhuận của đơn vị.

1.4 Kinh nghiệm về kế toán quản trị ở các đơn vị sự nghiệp

1.4.1 Thực trạng về hệ thống kế toán tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Để biết được thực trạng về hệ thống kế toán quản trị tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, tác giả đã tiến hành khảo sát (bằng hình thức phỏng vấn, tham khảo tài liệu) tình hình thực hiện công tác kế toán và cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại 4 trường chuyên nghiệp (Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Lạng Sơn, Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn, Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn). Từ nội dung bảng câu hỏi, tham khảo tài liệu và nhận thức của bản thân, tác giả đã hệ thống lại và trình bày những vấn đề chính trong bảng sau:

Bảng 1.1. Khảo sát công tác kế toán tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

TT	Tên trường	Trình độ chuyên môn của Hiệu trưởng	Tổ chức bộ máy kế toán		Nội dung phân tích quyết toán
			Số lượng nhân viên; Hình thức sổ kế toán; Nội dung thực hiện kế toán tài chính	Nội dung thực hiện kế toán quản trị	
1	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	- Cao cấp LL chính trị. - Thạc sĩ.	- Cơ cấu bộ máy kế toán gồm 04 nhân viên (bao gồm cả trưởng phòng), trong đó 04 là trình độ Đại học. - Hình thức kế toán: Nhật ký sổ cái, chỉ sử dụng bảng tính Excel để thực hiện tính lương, dự toán, . . . còn lại thực hiện bằng tay. Riêng quyết toán và quản lý tài sản bằng phần mềm MISA - Thực hiện các phân hành kế toán vốn bằng tiền; vật tư; tài sản cố định; nguồn kinh phí; các khoản thu, chi; tiền lương và các khoản trích theo lương, tiền chi tiêu nội bộ; kế toán tổng hợp. Trong đó có theo dõi chi tiết một số phần như vốn bằng tiền, các khoản thu theo dõi từng nguồn riêng (học phí, ngân sách chi thường xuyên, chi không thường xuyên), vật tư chi tiết theo loại.	- Xây dựng định mức vật tư thực tập cho một học sinh, sinh viên. - Lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm theo mục lục ngân sách và chi tiết theo từng quý trên cơ sở chỉ tiêu về biên chế; học sinh, sinh viên; kinh phí. - Có lập một số báo cáo chi tiết theo yêu cầu quản lý vào cuối tháng, quý, năm như báo cáo tình hình thu, chi từ nguồn thu ngoài ngân sách. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.	Chỉ thực hiện phân tích tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách năm nhưng chỉ dừng lại ở việc so sánh số liệu, không có nhận xét.
2	Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng	- Cao cấp LL chính trị.	- Cơ cấu bộ máy kế toán gồm 06 nhân viên (bao gồm cả trưởng phòng), trong đó: 03 trình độ Đại	- Lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm theo mục lục ngân sách và chi tiết theo từng quý trên cơ	Chỉ thực hiện phân tích tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách

TT	Tên trường	Trình độ chuyên môn của Hiệu trưởng	Tổ chức bộ máy kế toán		Nội dung phân tích quyết toán
			Số lượng nhân viên; Hình thức sổ kế toán; Nội dung thực hiện kế toán tài chính	Nội dung thực hiện kế toán quản trị	
	Sơn		học; 01 trình độ Cao đẳng; 02 trình độ Trung cấp.	sở chỉ tiêu về biên chế; học sinh, sinh viên; kinh phí.	năm nhưng chỉ dừng lại ở việc so sánh số liệu, không có nhận xét.
		- Tiến sĩ.	<p>- Hình thức kế toán: Nhật ký sổ cái, chỉ sử dụng bảng tính Excel để thực hiện tính lương, dự toán, . . . còn lại thực hiện bằng tay. Riêng quyết toán và quản lý tài sản bằng phần mềm MISA.</p> <p>- Thực hiện các phân hành kế toán vốn bằng tiền; vật tư; tài sản cố định; nguồn kinh phí; các khoản thu, chi; tiền lương và các khoản trích theo lương, tiền chi tiêu nội bộ; kế toán tổng hợp. Trong đó có theo dõi chi tiết một số phần như vốn bằng tiền, các khoản thu theo dõi từng nguồn riêng (học phí, ngân sách chi thường xuyên, chi không thường xuyên), vật tư chi tiết theo loại.</p>	- Có lập một số báo cáo chi tiết theo yêu cầu quản lý vào cuối tháng, quý, năm như báo cáo tình hình thu, chi từ nguồn thu ngoài ngân sách. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.	
3	Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn	- Cao cấp LL chính trị.	- Cơ cấu bộ máy kế toán gồm 03 nhân viên (bao gồm cả trưởng phòng), trong đó: 02 trình độ Đại học; 01 trình độ Trung cấp.	- Lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm theo mục lục ngân sách và chi tiết theo từng quý trên cơ sở chỉ tiêu về biên chế; học sinh, sinh viên; kinh phí.	Chỉ thực hiện phân tích tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách năm nhưng chỉ dừng lại ở việc so sánh số liệu, không

TT	Tên trường	Trình độ chuyên môn của Hiệu trưởng	Tổ chức bộ máy kế toán		Nội dung phân tích quyết toán
			Số lượng nhân viên; Hình thức sổ kế toán; Nội dung thực hiện kế toán tài chính	Nội dung thực hiện kế toán quản trị	
		- Chuyên khoa I	<p>- Hình thức kế toán: Nhật ký sổ cái, chỉ sử dụng bảng tính Excel để thực hiện tính lương, dự toán, . . . còn lại thực hiện bằng tay. Riêng quyết toán và quản lý tài sản bằng phần mềm MISA.</p> <p>- Thực hiện các phần hành kế toán vốn bằng tiền; vật tư; tài sản cố định; nguồn kinh phí; các khoản thu, chi; tiền lương và các khoản trích theo lương, tiền chi tiêu nội bộ; kế toán tổng hợp. Trong đó có theo dõi chi tiết một số phần như vốn bằng tiền, các khoản thu theo dõi từng nguồn riêng (học phí, ngân sách chi thường xuyên, chi không thường xuyên), vật tư chi tiết theo loại.</p>	<p>- Có lập một số báo cáo chi tiết theo yêu cầu quản lý vào cuối tháng, quý, năm như báo cáo tình hình thu, chi từ nguồn thu ngoài ngân sách. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.</p>	có nhận xét.
4	Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật	- Cao cấp LL chính trị.	<p>- Cơ cấu bộ máy kế toán gồm 02 nhân viên (bao gồm cả trưởng phòng), trong đó: 02 trình độ Trung cấp.</p>	<p>- Lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm theo mục lục ngân sách và chi tiết theo từng quý trên cơ sở chỉ tiêu về biên chế; học sinh; kinh phí.</p>	Chỉ thực hiện phân tích tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch ngân sách năm nhưng chỉ dừng lại ở việc so sánh số liệu, không

TT	Tên trường	Trình độ chuyên môn của Hiệu trưởng	Tổ chức bộ máy kế toán		Nội dung phân tích quyết toán
			Số lượng nhân viên; Hình thức sổ kế toán; Nội dung thực hiện kế toán tài chính	Nội dung thực hiện kế toán quản trị	
		- Đại học	<p>- Hình thức kế toán: Nhật ký sổ cái, chỉ sử dụng bảng tính Excel để thực hiện tính lương, dự toán, . . . còn lại thực hiện bằng tay. Riêng quyết toán và quản lý tài sản bằng phần mềm MISA.</p> <p>- Thực hiện các phần hành kế toán vốn bằng tiền; vật tư; tài sản cố định; nguồn kinh phí; các khoản thu, chi; tiền lương và các khoản trích theo lương, tiền chi tiêu nội bộ; kế toán tổng hợp. Trong đó có theo dõi chi tiết một số phần như vốn bằng tiền, các khoản thu theo dõi từng nguồn riêng (học phí, ngân sách chi thường xuyên, chi không thường xuyên), vật tư chi tiết theo loại.</p>	<p>- Có lập một số báo cáo chi tiết theo yêu cầu quản lý vào cuối tháng, quý, năm như báo cáo tình hình thu, chi từ nguồn thu ngoài ngân sách. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.</p>	có nhận xét.

1.4.2 Thực trạng về tình hình nhân lực và trình độ quản lý tại các trường chuyên nghiệp

Qua thực tế khảo sát cho thấy các trường không có các bộ phận chuyên trách về kế toán quản trị hoặc trung tâm phân tích thông tin làm nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định. Số cán bộ quản lý 100% có trình độ từ đại học trở lên, tuy nhiên lãnh đạo đơn vị (hiệu trưởng) phần lớn xuất thân là giáo viên sư phạm, kỹ thuật nên sự am hiểu về kế toán quản trị còn hạn chế, các trường không có bộ phận chuyên trách (các chuyên gia) chuẩn bị thông tin cho hiệu trưởng.

Mỗi trường có từ 2 - 6 kế toán và trong đó có những trường 100% kế toán chưa tốt nghiệp Đại học. Hầu hết các đơn vị cán bộ kế toán không biết gì về kế toán quản trị, mặc dù đang thực hiện những công việc thuộc kế toán quản trị như lập dự toán.

1.4.3 Thực trạng về công tác kế toán tại các trường

Thông qua việc khảo sát tìm hiểu công tác kế toán tại các trường cho thấy các trường chuyên nghiệp là một đơn vị kế toán độc lập và có những đặc điểm sau:

- Công việc kế toán ở các trường bao gồm 2 phần là kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, và phân thành những phần hành cụ thể như sau: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán thanh toán; Kế toán tài sản, vật tư; Kế toán nguồn kinh phí; Kế toán các khoản thu, chi; Kế toán tổng hợp. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm chung, có nhiệm vụ phân công, phân nhiệm trong bộ phận kế toán và hướng dẫn các nhân viên kế toán thực hiện các phần công việc được giao.
- Vận dụng hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái;
- Kinh phí không được sử dụng linh hoạt mà phải sử dụng theo từng nguồn và hạch toán riêng;
- Việc lập dự toán thu chi dựa theo mục lục ngân sách Nhà nước và lập cho toàn trường mà không hoàn toàn dựa theo nơi phát sinh (các khoa, phòng ban), do đó không thể đánh giá và đề ra các biện pháp kiểm soát chi phí.

- Trong mục lục ngân sách thì các khoản mục, tiểu mục quá chi tiết và cứng nhắc, gây khó khăn cho công tác quản lý chi phí nhưng không hiệu quả vì thông tin, không được cung cấp một cách kịp thời và hữu ích cho nhà quản lý.

- Hầu hết (70%) các trường không ứng dụng phần mềm kế toán hỗ trợ cho công tác kế toán. Chỉ áp dụng phần mềm MISA để quyết toán và quản lý tài sản cố định.

1.4.4 Đánh giá chung về thực trạng hệ thống kế toán và vận dụng nội dung kế toán quản trị tại các đơn vị

1) Bộ máy kế toán của các đơn vị chủ yếu thực hiện kế toán tài chính, chưa quan tâm đến quá trình thu nhận, cung cấp thông tin cho mục tiêu kế toán quản trị.

2) Không sử dụng phần mềm kế toán để hỗ trợ cho công tác kế toán mà chủ yếu là ghi chép thủ công, chỉ ứng dụng một số công cụ tính toán đơn giản trong phần mềm Excell.

3) Không phản ánh được tình hình tài sản, tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị. Việc hạch toán chi phí, thu nhập trên cơ sở thực thu, thực chi mà không theo phương pháp phát sinh nên mặc dù có báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng thực chất cũng chỉ là những khoản thực tế thu tiền và thực tế chi tiền chứ không phản ánh đúng kết quả hoạt động trong kỳ của đơn vị, không thể so sánh giữa chi phí và thu nhập chính xác được; không có bảng cân đối kế toán để phản ánh tình hình tài sản của đơn vị, chỉ có bảng cân đối tài khoản nhưng bảng này không thể hiện được tình hình tài sản của đơn vị vì các khoản phải thu, phải trả không được phản ánh đầy đủ

4) Sự thích hợp và kịp thời của thông tin chưa cao.

Việc phân loại chi phí không theo những tiêu thức thích hợp để phục vụ cho nhu cầu quản trị mà theo mục lục ngân sách thống nhất gây khó khăn cho quá trình kiểm soát chi phí. Các đơn vị chưa có khái niệm gì về việc thiết lập các trung tâm trách nhiệm, do đó việc đánh giá trách nhiệm và thành quả hoạt động của các phòng, ban, khoa, xưởng không được quan tâm đúng mức. Không thực hiện phân tích điểm hoà vốn vì các trường chỉ thực hiện đào tạo theo chức năng và nhiệm vụ được giao, có thể nói đây

là một hạn chế rất lớn vì việc phân tích điểm hoà vốn là một nội dung quan trọng của kế toán quản trị nhằm giúp cho nhà quản lý thấy được khối lượng dịch vụ cần cung cấp để đạt được điểm hoà vốn, từ đó tận dụng triệt để nguồn lực dư thừa để tăng thu nhập. Không thiết lập được mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng đào tạo và thu nhập do đó không đánh giá được hiệu quả kinh tế của quá trình đào tạo cho từng loại hình đào tạo cũng như cho toàn trường.

5) Tuy nhiên, trong công tác kế toán cũng có những biểu hiện nhất định của kế toán quản trị đó là:

- Có tiến hành lập dự toán thu chi ngân sách hàng năm căn cứ vào chỉ tiêu được giao về biên chế, về học sinh, sinh viên tài chính. Nhưng chưa có công thức tính toán khoa học, chỉ dựa trên cơ sở thực tế năm báo cáo và một khoản tăng giảm ước lệ. Vì vậy nếu có tiến hành phân tích quyết toán cũng không thể đưa ra nhận xét đúng đắn được.

- Phản ánh các khoản thu chi theo từng hoạt động riêng.

- Có xây dựng định mức chi phí cho một học sinh, sinh viên (HSSV) nhưng không đầy đủ và đồng bộ. Chủ yếu chỉ là định mức về vật tư thực tập cho học sinh, sinh viên và việc kiểm tra thực hiện định mức cũng chưa triệt để. Đồng thời việc xây dựng, quản lý và thực hiện định mức chi phí chủ yếu được thực hiện bởi các bộ phận kỹ thuật và các khoa chuyên môn mà chưa có sự tham gia tích cực của bộ phận kế toán, vì vậy làm hạn chế việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong việc lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của từng phòng, ban, khoa và toàn trường.

- Có tiến hành phân tích hoạt động (phân tích quyết toán) nhưng việc phân tích chỉ dừng lại ở mức độ so sánh chỉ tiêu kỳ này so với kỳ trước hoặc so với kế hoạch; so sánh tỷ trọng từng yếu tố trong tổng số. Còn việc phân tích nguyên nhân chênh lệch và ứng dụng nó để ra quyết định hoạt động trong tương lai thì không được thực hiện.

Kết luận chương 1

Kế toán là công việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. Nếu xét về phạm vi phục vụ chủ yếu của thông tin kế toán thì kế toán được phân thành kế toán tài chính và kế toán quản trị. Giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị có mối quan hệ với nhau. Mục tiêu cơ bản của kế toán quản trị là cung cấp thông tin cho lãnh đạo đơn vị trong quá trình ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động. Nội dung chủ yếu của kế toán quản trị là thiết lập hệ thống kế toán chi phí, lập dự toán ngân sách, kế toán các trung tâm trách nhiệm và thiết lập thông tin kế toán cho việc ra quyết định và dự báo.

Luận văn cũng nêu lên được đặc điểm của các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, có cùng một hệ thống quản lý tài chính chung của tỉnh và cùng một hệ thống kiểm soát thu, chi đó là Kho bạc nhà nước tỉnh. Qua đó đánh giá được sự ảnh hưởng đến công tác kế toán của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn như thế nào và nói lên sự cần thiết phải thực hiện kế toán quản trị tại các trường chuyên nghiệp nói chung và của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn nói riêng.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN

2.1 Giới thiệu khái quát về trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Trường

Cùng với sự phát triển chung của cả nước trong thời kỳ đổi mới, với lợi thế về điều kiện địa lý, nơi có các cửa khẩu quốc tế thông thương với Trung Quốc, trong những năm qua đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn đã phát triển. Từ sự phát triển đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có kỹ thuật cao, nhằm đáp ứng và góp phần tạo sự phát triển bền vững đã trở thành vấn đề bức xúc cho hiện tại và cho tương lai của Lạng Sơn. Để thực hiện các chủ trương của Đảng và nhà nước về phát triển nguồn nhân lực (NNL), trong đó có lĩnh vực đào tạo nghề, tại Quyết định (QĐ) số 69/QĐ- UBND ngày 19/12/2001 tỉnh Lạng Sơn đã quyết định thành lập trường Dạy nghề Lạng Sơn. Đến năm 2006, trường Dạy nghề Lạng Sơn được chuyển đổi thành trường Trung cấp nghề Việt - Đức Lạng Sơn theo quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của UBND tỉnh Lạng Sơn, và đến năm 2014, trường Trung cấp nghề Việt – Đức Lạng Sơn được nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn theo QĐ số 1699/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Được sự chỉ đạo thường xuyên của Tổng cục Dạy nghề và sự quan tâm của lãnh đạo UBND tỉnh Lạng Sơn, chỉ trong vòng thời gian ngắn trường đã hoạt động ổn định, phát triển vững chắc, hình thành môi trường sư phạm chuyên nghiệp với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, sạch đẹp.

Tính đến năm 2017 Trường đã tuyển sinh và đào tạo khóa 15 hệ Trung cấp nghề (TCN) và khóa 01 hệ Cao đẳng nghề (CDN), mỗi năm tuyển sinh trên 800 học sinh hệ TCN, CDN, đào tạo sơ cấp nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên 3.000 học sinh. Nhà trường đã chú trọng đến kỹ năng tay nghề trong đào tạo TCN, rèn luyện đạo đức, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động... nên hầu hết học sinh ra trường đều tìm được việc làm và có thu nhập ổn định. Trong đó, có nhiều học sinh được tuyển

chọn đi làm tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, một số phục vụ xuất khẩu lao động.

Đến nay, có 90% GV có trình độ đại học và sau đại học, 95% đạt chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn, trường đã xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất, trường được hỗ trợ nguồn vốn ODA của Chính phủ CHLB Đức để đầu tư thiết bị cho nhóm nghề Cơ khí và nghề Điện - Điện tử với các trang thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo nghề trình độ cao. Hiện tại, trường đang tiếp tục triển khai dự án đầu tư và phát triển, mở rộng quy mô.

2.1.1.1 Nhiệm vụ, mục tiêu của trường

a. Nhiệm vụ của trường

- Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Sơ cấp nghề nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.
- Tổ chức xây dựng, duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo;
- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh học nghề;
- Tổ chức các hoạt động dạy và học, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng, chứng chỉ nghề theo quy định của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH;
- Tuyển dụng, quản lý ĐNGV, cán bộ, nhân viên của trường đủ về số lượng; phù hợp với ngành nghề, quy mô, trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề;
- Tổ chức cho GV, cán bộ, nhân viên và người học nghề tham gia các hoạt động xã hội;
- Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy nghề, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào dạy nghề và hoạt động tài chính;
- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính theo quy định.

b. Mục tiêu của trường

- *Mục tiêu chung:* phát triển trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn thành trường trọng điểm của quốc gia, một số nghề tiếp cận trình độ khu vực.

- *Mục tiêu cụ thể:*

+ Quy mô đào tạo vào năm 2020 đạt 1.000 học sinh và 1.500 học sinh, sinh viên vào năm 2025.

+ Là trung tâm đào tạo nhân lực kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật cao của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu lao động có trình độ cao. Tập trung phát triển 5 nghề trọng điểm (Theo Quyết định số 854/QĐ-BLĐTBXH, ngày 06/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội Phê duyệt nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020) đó là:

Nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN : 02 nghề

1, Nghề Cắt gọt kim loại:

2, Nghề Điện công nghiệp:

Nghề trọng điểm cấp độ Quốc Gia : 03 nghề .

1, Nghề Cơ điện nông thôn

2, Nghề Dịch vụ du lịch

3, Nghề Chăn nuôi gia súc, gia cầm

+ Là nơi đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho đội ngũ giáo viên dạy nghề (GVĐN) của tỉnh,

+ Là trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo QĐ số 1956/QĐ-TTg "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"

2.1.1.2 Ngành, nghề đào tạo

Hiện tại, trường đang tập trung đào tạo các nghề:

a. Trình độ Cao đẳng nghề

+ Cắt gọt kim loại.

+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm

+ Điện công nghiệp

+ Cơ điện nông thôn

b. Trình độ Trung cấp nghề

+ Cắt gọt kim loại.

+ Hàn

+ Điện công nghiệp

+ Cơ điện nông thôn

+ Điện dân dụng

+ Công nghệ ô tô

+ Sửa chữa và lắp ráp máy tính

+ Điện tử dân dụng

+ Chăn nuôi gia súc, gia cầm.

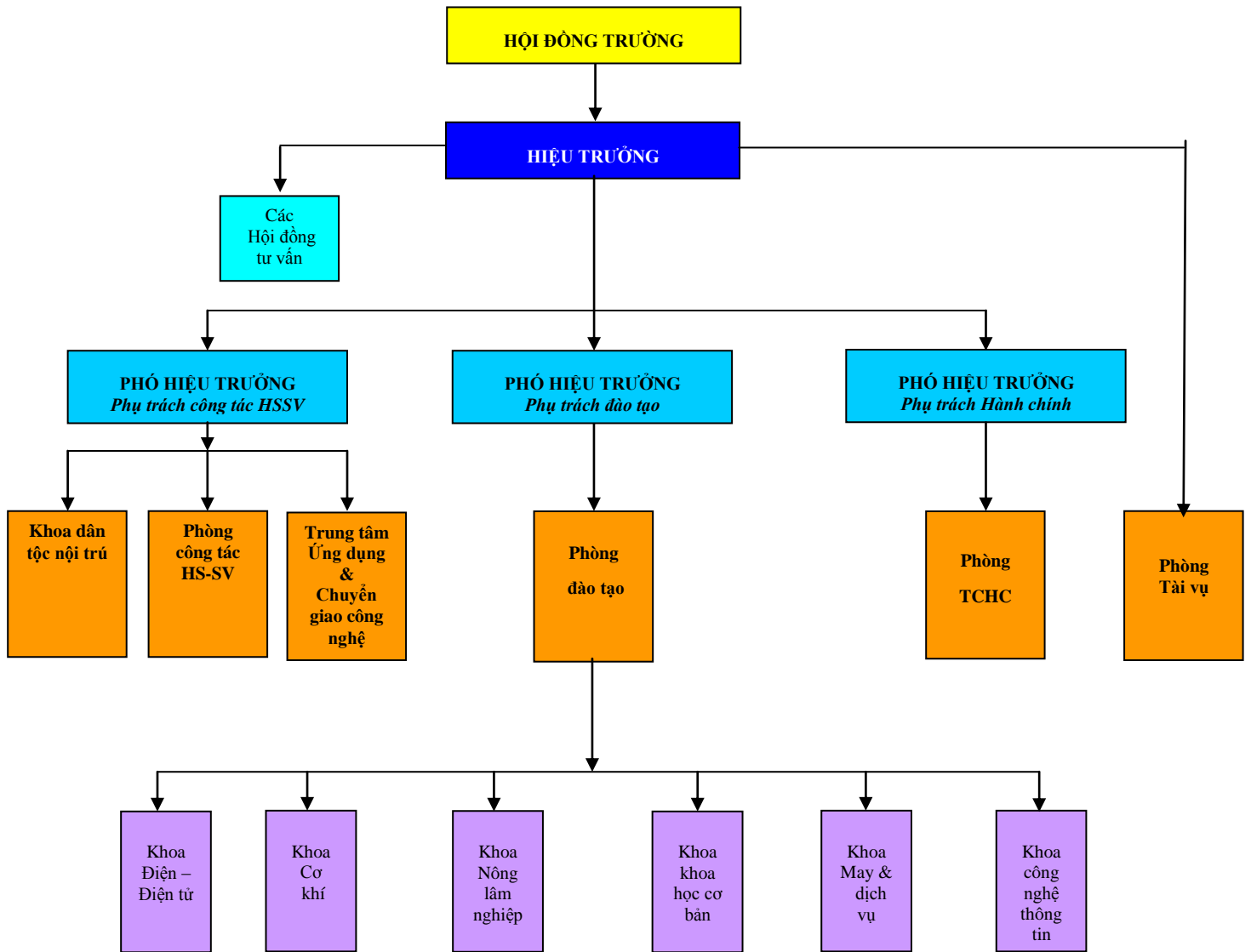
Và một số nghề khác theo nhu cầu xã hội và nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp.

2.1.1.3 Định hướng phát triển nhà trường

Theo Quyết định số 77/QĐ-UBND Ngày 20/01/2011, tại mục 2 chương II, Quyết định của UBND Tỉnh Lạng Sơn V/v Phê duyệt Chương trình củng cố, đổi mới, phát triển các trường Cao đẳng và Đại học của tỉnh giai đoạn 2011-2020 đã đề ra lộ trình trong năm 2013, trường phải chuẩn bị các điều kiện để nâng cấp trường thành trường Cao đẳng nghề. Chuẩn bị tất cả các nguồn lực để đến năm 2016 bắt đầu đào tạo các nghề trọng điểm theo chương trình tiêu chuẩn ASEAN.

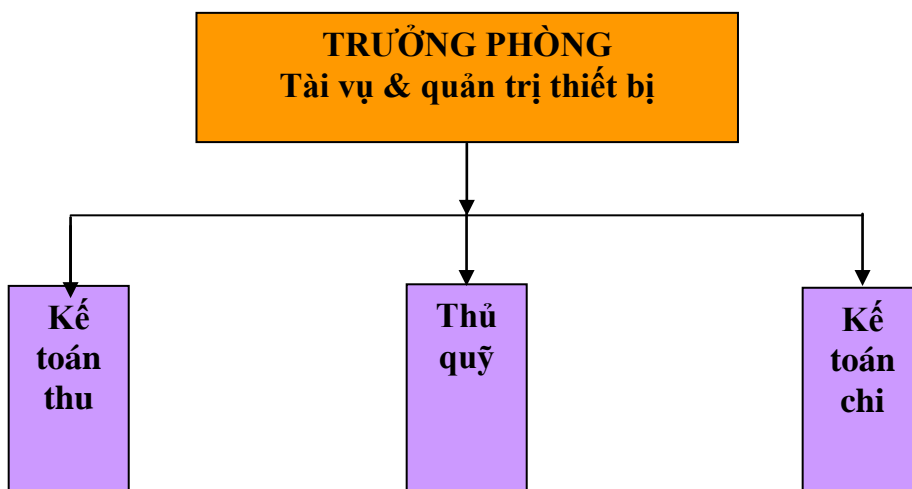
2.1.2 Tổ chức bộ máy chung của trường

Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh Lạng Sơn và chịu sự quản lý trực tiếp của Sở LĐ-TB&XH.



Hình 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

Bộ máy kế toán của trường



Hình 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

2.2 Thực trạng về hệ thống kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

2.2.1 Nội dung công tác kế toán quản trị đã thực hiện

Cho đến nay, ở nước ta, khái niệm về kế toán quản trị vẫn còn khá mới mẻ đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp, mặc dù những nội dung của nó cũng đã được vận dụng nhưng chưa được hệ thống. Vì vậy, để thấy rõ thực trạng về hệ thống kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn cần phải biết được toàn bộ hệ thống cung cấp và sử dụng thông tin kế toán tại đơn vị.

Hệ thống cung cấp và sử dụng thông tin kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn bao gồm hai phần chính là chế độ kế toán và chế độ quản lý tài chính.

2.2.1.1 Chế độ kế toán

Hệ thống kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn hiện nay được thực hiện theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, ban hành theo quyết định số 19/2006/QĐ - BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành ra đời trên cơ sở kế thừa hệ thống kế toán cũ (QĐ 999-TC/QĐ/CĐKT ngày 02/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và luật ngân sách Nhà nước.

Hệ thống này bao gồm bốn phần:

- Phần một: Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán bao gồm những quy định chung về hệ thống chứng từ kế toán như nội dung và mẫu chứng từ, hệ thống chứng từ, lập chứng từ kế toán, ký chứng từ kế toán, trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ, dịch chứng từ kế toán, sử dụng, quản lý và in biểu mẫu chứng từ kế toán; danh mục và biểu mẫu chứng từ và phương pháp ghi chép vào chứng từ.
- Phần hai: Hệ thống tài khoản kế toán bao gồm 42 tài khoản cấp một chia thành 6 loại. Hệ thống tài khoản ban hành lần này khá gần với hệ thống kế toán doanh nghiệp, tuy nhiên đơn giản hơn và cũng có những khác biệt nhất định xuất phát từ đặc điểm của đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Phần ba: Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán bao gồm những quy định về mẫu sổ, ghi chép sổ và lưu giữ sổ, hướng dẫn các hình thức kế toán áp dụng tại các đơn vị

hành chính sự nghiệp (hình thức nhật ký sổ cái, hình thức nhật ký chung, hình thức chứng từ ghi sổ và hình thức kế toán máy)

- Phân bổ: Hệ thống báo cáo tài chính bao gồm những quy định chung và các hướng dẫn cụ thể về cách lập các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của đơn vị hành chính sự nghiệp.

2.2.1.2 Chế độ quản lý tài chính

Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn thực hiện chế độ quản lý tài chính theo các văn bản sau:

- Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định 43;

- Thông tư số 18/2006/TT-BTC ngày 13/3/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với cơ quan Nhà nước;

- Thông tư số 33/2006/TT-BTC ngày 17/4/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn thu chi tiền mặt qua hệ thống kho bạc Nhà nước;

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Luật ngân sách nhà nước (Luật số 01 Quốc hội khoá 11);

- Một số văn bản khác.

2.2.2 Hệ thống dự toán ngân sách

Dự toán là cơ sở để đơn vị thực hiện. Lập dự toán là hoạt động thiết lập kim chỉ nam cho quá trình thực hiện dự toán. Do đó lập dự toán có vai trò quan trọng trong hoạt động tổ chức của một đơn vị, nó là cơ sở dẫn dắt quá trình thực hiện dự toán của đơn vị sau này. Việc lập dự toán cũng là tiêu chí để đánh giá hiệu quả việc thực hiện dự

toán trong đơn vị. Yêu cầu của việc lập dự toán và mục tiêu cơ bản của việc lập dự toán trong trường là nhằm phân tích, đánh giá các khoản thu, chi tài chính trên cơ sở khoa học và thực tiễn, đưa ra các chỉ tiêu thu, chi tài chính sát với thực tế sao cho có hiệu quả nhất. Điều đó đòi hỏi việc lập dự toán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải phản ánh đầy đủ chính xác các khoản thu, chi dự kiến theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước.
- Việc lập dự toán phải theo từng lĩnh vực thu và lĩnh vực chi.
- Phải đảm bảo nguyên tắc cân đối, chi phải có nguồn đảm bảo.
- Lập dự toán phải đúng theo nội dung, biểu mẫu quy định, đúng thời gian, phải thể hiện đầy đủ các khoản thu chi theo Mục lục NSNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính gửi kịp thời cho các cơ quan chức năng của nhà nước xét duyệt.

- Dự toán được lập phải kèm theo các báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán. Các bước lập dự toán Quá trình lập dự toán được tiến hành theo các bước cơ bản sau đây:

Bước 1: Hàng năm căn cứ vào chỉ thị, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm sau.

Bước 2: Đơn vị căn cứ chỉ thị của Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND tỉnh và căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, định mức phân bổ ngân sách do cơ quan có thẩm quyền quy định và hoạt động trọng tâm của đơn vị làm cơ sở để xây dựng dự toán năm.

Lập dự toán thu Dự toán thu có tầm quan trọng đặc biệt trong việc lập dự toán chi và triển khai nhiệm vụ chi đảm bảo chủ động thu, chi trong đơn vị. Trường là đơn vị sự nghiệp có thu nên ngoài việc lập dự toán thu trên cơ sở phân bổ và giao dự toán ngân sách năm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, trường còn phải lập dự toán đối với các nguồn thu ngoài ngân sách.

Trong quá trình lập dự toán chi cần: Đánh giá tình hình thực hiện kinh phí chi sự nghiệp, dự án, chương trình mục tiêu, khác... 6 tháng đầu năm và dự kiến thực hiện cả

năm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị, ngành. Tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, chế độ chi tiêu; tình hình tiết giảm chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, đi công tác trong và ngoài nước, đánh giá công tác thu, định mức thu... những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý. Dự toán chi đòi hỏi phải cụ thể theo nguyên tắc:

- Các khoản chi phải có nguồn đảm bảo
- Các khoản chi qua các năm phải tương đối ổn định
- Các khoản chi thường xuyên, phải gắn chặt với các hoạt động của đơn vị
- Các mức chi phải tuân thủ theo đúng chế độ, chính sách quy định hiện hành của Nhà nước
- Các khoản chi được lập phải đạt hiệu quả cao với nguồn lực thấp nhất

Bước 3: Lập Báo cáo thuyết minh dự toán trên cơ sở dự toán thu và dự toán chi, phòng Tài vụ - QTTB tiến hành lập báo cáo thuyết minh dự toán. Trên bản báo cáo thuyết minh dự toán phải chỉ ra được các nội dung sau:

- Căn cứ xác định các chi tiêu trong dự toán
- Cơ cấu thu, chi tài chính dự toán có phù hợp với định mức quy định hay không
- Sự thay đổi thu, chi tài chính dự toán năm kế hoạch so với năm báo cáo như thế nào, nguyên nhân cụ thể của sự thay đổi đó.
- Các biện pháp cơ bản để thực hiện tốt dự toán hoàn chỉnh dự toán và trình cấp trên Căn cứ vào dự toán đã được sự chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan Tài chính sau khi xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp sẽ đề nghị cơ quan quản lý cấp trên chính thức phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên cho đơn vị.

Bước 4: Hoàn chỉnh dự toán và trình cấp trên

2.2.3 Phân tích các chỉ tiêu kết quả đạt được

2.2.3.1 Các chỉ tiêu đánh giá kế toán quản trị trong các năm 2014, 2015, 2016

a. Dự toán thu các năm 2014, 2015, 2016

Bảng 2.1. Dự toán thu năm 2014

TT	Nội dung	Giao thu ngân sách năm 2014	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Thu tiền điện, nước, tiền ở KTX	30.000.000	
	- Tiền điện	20.000.000	
	- Tiền nước	10.000.000	
	- Tiền ở KTX	0	
2	Thu tiền học phí, lệ phí tuyển sinh	72.000.000	
	- Tiền học phí học văn hóa	25.000.000	
	- Tiền học phí học nghề	40.000.000	
	- Tiền lệ phí tuyển sinh	7.000.000	
3	Tiền sản xuất, kinh doanh; cho thuê sân bãi; Trông giữ xe; Cảng tin	114.000.000	
	- Tiền sản xuất, kinh doanh	60.000.000	
	- Tiền cho thuê sân tập lái	36.000.000	
	- Tiền trông giữ xe	6.000.000	
	- Tiền cho thuê cảng tin	12.000.000	
4	Khoản thu khác	142.000.000	
	- Tiền thuê vị trí lắp trạm BTS	42.000.000	
	- Tiền các lớp liên kết	100.000.000	
	TỔNG	358.000.000	

Bảng 2.2. Dự toán thu năm 2015

TT	Nội dung	Giao thu ngân sách năm 2015	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Thu tiền điện, nước, tiền ở KTX	85.000.000	
	- Tiền điện	50.000.000	
	- Tiền nước	35.000.000	
	- Tiền ở KTX	0	
2	Thu tiền học phí, lệ phí tuyển sinh	110.000.000	
	- Tiền học phí học văn hóa	40.000.000	
	- Tiền học phí học nghề	60.000.000	
	- Tiền lệ phí tuyển sinh	10.000.000	
3	Tiền sản xuất, kinh doanh; cho thuê sân bãi; Trông giữ xe; Căng tin	132.000.000	
	- Tiền sản xuất, kinh doanh	60.000.000	
	- Tiền cho thuê sân tập lái	36.000.000	
	- Tiền trông giữ xe	12.000.000	
	- Tiền cho thuê căng tin	24.000.000	
4	Khoản thu khác	242.000.000	
	- Tiền thuê vị trí lắp trạm BTS	42.000.000	
	- Tiền các lớp liên kết	200.000.000	
TỔNG		569.000.000	

Bảng 2.3. Dự toán thu năm 2016

TT	Nội dung	Giao thu ngân sách năm 2016	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Thu tiền điện, nước, tiền ở KTX	100.000.000	
	- Tiền điện	60.000.000	
	- Tiền nước	40.000.000	
	- Tiền ở KTX	0	
2	Thu tiền học phí, lệ phí tuyển sinh	110.000.000	
	- Tiền học phí học văn hóa	40.000.000	
	- Tiền học phí học nghề	60.000.000	
	- Tiền lệ phí tuyển sinh	10.000.000	
3	Tiền sản xuất, kinh doanh; cho thuê sân bãi; Trông giữ xe; Căng tin	135.000.000	
	- Tiền sản xuất, kinh doanh	60.000.000	
	- Tiền cho thuê sân tập lái	36.000.000	
	- Tiền trông giữ xe	15.000.000	
	- Tiền cho thuê căng tin	24.000.000	
4	Khoản thu khác	292.000.000	
	- Tiền thuê vị trí lắp trạm BTS	42.000.000	
	- Tiền các lớp liên kết	250.000.000	
TỔNG		637.000.000	

a. Dự toán chi các năm 2014, 2015, 2016

Bảng 2.4. Dự toán chi năm 2014

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	CHI THƯỜNG XUYÊN	0	9.228.000.000	358.000.000	9.586.000.000	9.048.033.200	537.966.800	
1	Thanh toán cho cá nhân					5.400.000.000		
	- Lương hệ số					3.630.000.000		
	- Tiền công					290.000.000		
	- Phụ cấp lương					1.480.000.000		
2	Chi về hàng hóa dịch vụ					2.598.233.200		
	a. Dịch vụ công cộng					373.500.000		
	- Tiền điện					170.000.000		
	- Tiền nước					110.000.000		
	- Tiền xăng					75.500.000		
	- Vệ sinh môi trường					18.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
	b. Vật tư văn phòng					102.600.000		
	- Văn phòng phẩm					60.000.000		
	- CCDC văn phòng					7.600.000		
	- Khoán VVP					8.000.000		
	- Vật tư văn phòng khác					27.000.000		
	c. Thông tin liên lạc					31.000.000		
	- Điện thoại					13.000.000		
	- Bru chính					6.000.000		
	- Tuyên truyền					8.000.000		
	- Internet					4.000.000		
	d. Công tác phí					374.000.000		
	- Tiền vé tàu xe					160.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
	- Tiền lưu trú					160.000.000		
	- Tiền ngủ					54.000.000		
	e. Chi phí thuê mướn					318.000.000		
	- Thuê giáo viên giảng dạy					300.000.000		
	- Chi khác					18.000.000		
	g. Sửa chữa TX TSCĐ					143.300.000		
	- Sửa chữa Ô tô					50.000.000		
	- Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị					20.000.000		
	- Điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học...					12.300.000		
	- Mua thiết bị sửa chữa đường nước					15.000.000		
	- Công trình hạ tầng khác (Nền khu lớp học, chống thấm nhà ăn, KTX...)					46.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
	h. Chi phí NVCM (Công tác giảng dạy					1.255.833.200		
	- Thừa giờ					320.000.000		
	- Vật tư thực hành					210.000.000		
	- Chi thực hiện đề tài NCKH					20.000.000		
	- Biên soạn CT, GT TCN					50.000.000		
	- Chi trả đào tạo tại TTGD TX					545.833.200		
	- Chi hỗ trợ các lớp Văn hóa					20.000.000		
	- Chi thi TN + Kết thúc Môdul, Thi các khối VH					20.000.000		
	- Hội giảng GV					60.000.000		
	- Hỗ trợ tuyển sinh					10.000.000		
3	Mua sắm TSCĐ					20.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
	Mục 9000 - Mua tài sản vô hình					5.000.000		
	Mục 9050 - Mua tài sản Hữu hình					15.000.000		
4	Chi khen thưởng					91.000.000		
5	Chi phúc lợi tập thể					120.000.000		
6	Chi các khoản khác					436.000.000		
	- Phí chuyển lương, phí kiểm định					20.000.000		
	- Tiếp khách					70.000.000		
	- Bảo hiểm xe ô tô					15.000.000		
	- Đối ứng thiết bị CTMT					65.000.000		
	- Chi hoạt động Đoàn					50.000.000		
	- Các khoản khác (Thẩm định giá TB)					216.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
7	Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương = (số dự toán giao - Chi cho cá nhân)x 10%					382.800.000		
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ CUỐI NĂM							537.966.800	
1	Quỹ phát triển sự nghiệp (25%)						134.491.700	
2	Quỹ phúc lợi tập thể						80.000.000	
3	Quỹ ổn định thu nhập						120.000.000	
4	Quỹ khen thưởng						30.000.000	
SỐ DƯ CÒN LẠI (Tính thu nhập tăng thêm của năm)							173.475.100	

Bảng 2.5. Dự toán chi năm 2015

TT	Nội dung	Dự năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2015	Số dự toán thu năm 2015	Tổng dự toán năm 2015	Dự toán chi năm 2015	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	CHI THƯỜNG XUYÊN	262.833.200	7.345.400.000	569.000.000	8.177.233.200	7.499.020.000	678.213.200	
1	Thanh toán cho cá nhân					4.122.000.000		
	- Lương hệ số					2.450.000.000		
	- Tiền công					192.000.000		
	- Phụ cấp lương					1.480.000.000		
2	Chi về hàng hóa dịch vụ					2.500.813.200		
	a. Dịch vụ công cộng					318.000.000		
	- Tiền điện					140.000.000		
	- Tiền nước					90.000.000		
	- Tiền xăng					70.000.000		
	- Vệ sinh môi trường					18.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2015	Số dự toán thu năm 2015	Tổng dự toán năm 2015	Dự toán chi năm 2015	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	b. Vật tư văn phòng					87.500.000		
	- Văn phòng phẩm					50.000.000		
	- CCDC văn phòng					2.500.000		
	- Khoán VVP					9.000.000		
	- Vật tư văn phòng khác					26.000.000		
	c. Thông tin liên lạc					24.180.000		
	- Điện thoại					13.905.000		
	- Bưu chính					2.275.000		
	- Tuyên truyền					4.000.000		
	- Internet					4.000.000		
	d. Công tác phí					374.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2015	Số dự toán thu năm 2015	Tổng dự toán năm 2015	Dự toán chi năm 2015	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Tiền vé tàu xe					160.000.000		
	- Tiền lưu trú					160.000.000		
	- Tiền ngủ					54.000.000		
	e. Chi phí thuê mướn					318.000.000		
	- Thuê giáo viên giảng dạy					300.000.000		
	- Chi khác					18.000.000		
	g. Sửa chữa TX TSCĐ					143.300.000		
	- Sửa chữa Ô tô					50.000.000		
	- Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị					20.000.000		
	- Điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học...					12.300.000		
	- Mua thiết bị sửa chữa đường nước					15.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2015	Số dự toán thu năm 2015	Tổng dự toán năm 2015	Dự toán chi năm 2015	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Công trình hạ tầng khác (Nền khu lớp học, chống thấm nhà ăn, KTX...)					46.000.000		
	h. Chi phí NVCM (Công tác giảng dạy					1.235.833.200		
	- Thừa giờ					300.000.000		
	- Vật tư thực hành					210.000.000		
	- Chi thực hiện đề tài NCKH					20.000.000		
	- Biên soạn CT, GT TCN					50.000.000		
	- Chi trả đào tạo tại TTGD TX					545.833.200		
	- Chi hỗ trợ các lớp Văn hóa					20.000.000		
	- Chi thi TN + Kết thúc Môđul, Thi các khối VH					20.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2015	Số dự toán thu năm 2015	Tổng dự toán năm 2015	Dự toán chi năm 2015	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Hội giảng GV					60.000.000		
	- Hỗ trợ tuyển sinh					10.000.000		
3	Mua sắm TSCĐ					20.000.000		
	Mục 9000 - Mua tài sản vô hình					5.000.000		
	Mục 9050 - Mua tài sản Hữu hình					15.000.000		
4	Chi khen thưởng					91.000.000		
5	Chi phúc lợi tập thể					120.000.000		
6	Chi các khoản khác					322.866.800		
	- Phí chuyển lương, phí kiểm định					20.000.000		
	- Tiếp khách					70.000.000		
	- Bảo hiểm xe ô tô					15.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2015	Số dự toán thu năm 2015	Tổng dự toán năm 2015	Dự toán chi năm 2015	Số dư	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	- Đối ứng thiết bị CTMT					65.000.000			
	- Chi hoạt động Đoàn					35.866.800			
	- Các khoản khác (Thẩm định giá TB)					117.000.000			
7	Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương= (số dự toán giao - Chi cho cá nhân)x 10%					322.340.000			
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ CUỐI NĂM								978.213.200	
1	Quỹ phát triển sự nghiệp (25%)						244.553.300		
2	Quỹ phúc lợi tập thể						110.000.000		
3	Quỹ ổn định thu nhập						220.000.000		
4	Quỹ khen thưởng						30.000.000		
SỐ DƯ CÒN LẠI (Tính thu nhập tăng thêm của năm)								373.659.900	

Bảng 2.6. Dự toán chi năm 2016

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	CHI THƯỜNG XUYÊN	0	9.228.000.000	358.000.000	9.586.000.000	9.048.033.200	537.966.800	
1	Thanh toán cho cá nhân					5.400.000.000		
	- Lương hệ số					3.630.000.000		
	- Tiền công					290.000.000		
	- Phụ cấp lương					1.480.000.000		
2	Chi về hàng hóa dịch vụ					2.598.233.200		
	a. Dịch vụ công cộng					373.500.000		
	- Tiền điện					170.000.000		
	- Tiền nước					110.000.000		
	- Tiền xăng					75.500.000		
	- Vệ sinh môi trường					18.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	b. Vật tư văn phòng					102.600.000		
	- Văn phòng phẩm					60.000.000		
	- CCDC văn phòng					7.600.000		
	- Khoán VVP					8.000.000		
	- Vật tư văn phòng khác					27.000.000		
	c. Thông tin liên lạc					31.000.000		
	- Điện thoại					13.000.000		
	- Bưu chính					6.000.000		
	- Tuyên truyền					8.000.000		
	- Internet					4.000.000		
	d. Công tác phí					374.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Tiền vé tàu xe					160.000.000		
	- Tiền lưu trú					160.000.000		
	- Tiền ngủ					54.000.000		
	e. Chi phí thuê mướn					318.000.000		
	- Thuê giáo viên giảng dạy					300.000.000		
	- Chi khác					18.000.000		
	g. Sửa chữa TX TSCĐ					143.300.000		
	- Sửa chữa Ô tô					50.000.000		
	- Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị					20.000.000		
	- Điều hòa nhiệt độ, thiết bị tin học...					12.300.000		
	- Mua thiết bị sửa chữa đường nước					15.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Công trình hạ tầng khác (Nền khu lớp học, chống thấm nhà ăn, KTX...)					46.000.000		
	h. Chi phí NVCM (Công tác giảng dạy					1.255.833.200		
	- Thừa giờ					320.000.000		
	- Vật tư thực hành					210.000.000		
	- Chi thực hiện đề tài NCKH					20.000.000		
	- Biên soạn CT, GT TCN					50.000.000		
	- Chi trả đào tạo tại TTGD TX					545.833.200		
	- Chi hỗ trợ các lớp Văn hóa					20.000.000		
	- Chi thi TN + Kết thúc Môđul, Thi các khối VH					20.000.000		
	- Hội giảng GV					60.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	- Hỗ trợ tuyển sinh					10.000.000		
3	Mua sắm TSCĐ					20.000.000		
	Mục 9000 - Mua tài sản vô hình					5.000.000		
	Mục 9050 - Mua tài sản Hữu hình					15.000.000		
4	Chi khen thưởng					91.000.000		
5	Chi phúc lợi tập thể					120.000.000		
6	Chi các khoản khác					436.000.000		
	- Phí chuyển lương, phí kiểm định					20.000.000		
	- Tiếp khách					70.000.000		
	- Bảo hiểm xe ô tô					15.000.000		
	- Đối ứng thiết bị CTMT					65.000.000		

TT	Nội dung	Dư năm trước chuyển sang	Số dự toán giao trong năm 2014	Số dự toán thu năm 2014	Tổng dự toán năm 2014	Dự toán chi năm 2014	Số dư	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	- Chi hoạt động Đoàn					50.000.000			
	- Các khoản khác (Thẩm định giá TB)					216.000.000			
7	Tiết kiệm 10% để cải cách tiền lương = (số dự toán giao - Chi cho cá nhân)x 10%					382.800.000			
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ CUỐI NĂM								537.966.800	
1	Quỹ phát triển sự nghiệp (25%)						134.491.700		
2	Quỹ phúc lợi tập thể						80.000.000		
3	Quỹ ổn định thu nhập						120.000.000		
4	Quỹ khen thưởng						30.000.000		
SỐ DƯ CÒN LẠI (Tính thu nhập tăng thêm của năm)								173.475.100	

2.2.3.2 Đánh giá các chỉ tiêu đạt được

Các chỉ tiêu kết quả đạt được trong công tác kế toán quản trị tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn đã thực hiện chỉ mới dừng lại ở việc lập dự toán thu, chi và dựa theo các định mức cấp của UBND tỉnh Lạng Sơn, cụ thể là:

Nội dung thu tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn thường có các khoản sau: Các khoản thu có tính chất hành chính như: tiền điện, nước,..., thu học phí, thu lệ phí tuyển sinh, thu tiền ở ký túc xá, thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, thu lệ phí bãi giữ xe, căng tin, thu khác...

Nội dung chi tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn bao gồm các khoản sau:

- Chi cho bộ máy (Chi thanh toán cho cá nhân) bao gồm chi tiền lương, các khoản phụ cấp lương, học bổng học sinh sinh viên, chi khen thưởng, chi phúc lợi tập thể,...
- Chi cho công tác quản lý hành chính như thanh toán dịch vụ công cộng, thiết bị văn phòng, công tác phí, thông tin liên lạc,...
- Chi cho công tác giảng dạy, học tập như chi sách báo, thư viện, biên soạn giáo trình, chi thực tập tốt nghiệp, văn phòng phẩm cho giáo viên, chi mua trang thiết bị phục vụ giảng dạy, chi cho công tác tuyển sinh, tốt nghiệp, chi hoạt động ngoại khoá,...
- Chi cho công tác mua sắm, sửa chữa tài sản cố định,...
- Định mức về lao động: Biên chế giáo viên: 1/20 HSSV
- Định mức về tài chính: Hiện nay, định mức chi tài chính cho trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn được quy định theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định 43. Hệ thống dự toán thu chi của trường bao gồm 2 nguồn chính là Ngân sách cấp và học phí, trong đó Ngân sách cấp theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 – 2020, học phí thu theo Quyết định số 36a/2016/QĐ-UBND ngày 6/8/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2016 – 2017 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Lập dự toán là quá trình phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập dự toán nhằm xác lập các chỉ tiêu thu chi của Nhà trường dự kiến có thể đạt được trong năm kế hoạch, đồng thời xác lập các biện pháp chủ yếu về kinh tế - tài chính để đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đề ra.

Trong quy trình quản lý tài chính, lập dự toán là khâu mở đầu, bắt buộc phải thực hiện trong quá trình quản lý tài chính. Nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng, cụ thể là:

1) Thông qua việc lập dự toán để đánh giá khả năng và nhu cầu về tài chính của trường, từ đó phát huy tính hiệu quả đồng thời hạn chế những trở ngại trong quá trình sử dụng tài chính của trường.

2) Theo nguyên tắc quản lý tài chính, chi phải dựa trên thu trong đơn vị và cần có kế hoạch thu và chi để các Lãnh đạo có thể chủ động điều hành đơn vị.

Khi nói đến kế toán quản trị chúng ta thường nghĩ ngay đến công việc của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, vì ở đó mới thực hiện mục tiêu lợi nhuận, cần phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích lời lỗ,... Còn đối với các trường học, theo quan điểm từ trước cho đến nay có khá nhiều điểm khác biệt với các doanh nghiệp (Khác biệt về sản phẩm, mục tiêu, khách hàng, nguồn vốn hoạt động,...). Vì vậy việc vận dụng kế toán quản trị vào các trường chuyên nghiệp không phải là điều dễ dàng. Khi vận dụng kế toán quản trị vào các trường chuyên nghiệp cần phải xem xét những điểm khác biệt này.

Một số điểm khác biệt cơ bản giữa trường học và doanh nghiệp:

- Quá trình tạo ra sản phẩm trong trường học khác với một doanh nghiệp đó là sự khác biệt về đối tượng và tính chất của quá trình. Đối tượng của quá trình sản xuất là vật chất (nguyên vật liệu), tính chất của quá trình này là con người sử dụng công cụ lao động tác động lên vật chất tạo ra sản phẩm thoả mãn nhu cầu của khách hàng. Còn đối tượng của quá trình đào tạo là người học và tính chất của quá trình này là sự tác động qua lại giữa người dạy và người học thông qua các thiết bị, phương tiện và đồ dùng dạy học. Môi trường học tập dù tốt cách mấy đi nữa nhưng học sinh không nỗ lực tự

học, tự biến đổi mình đến mức cần thiết thì mục tiêu đào tạo mong muốn không thể nào thực hiện được.

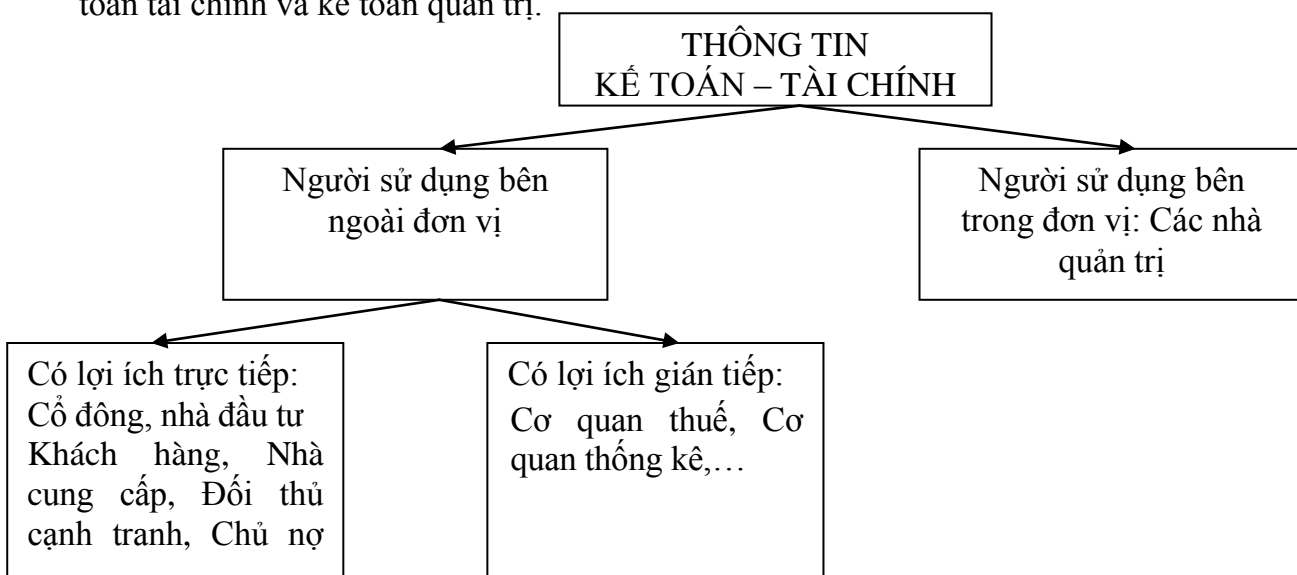
- Sản phẩm của một doanh nghiệp dù hữu hình hay vô hình đều dễ dàng nhận biết được và có những thông số kiểm định, đo đạt. Còn sản phẩm của giáo dục rất khó định nghĩa và không có một tiêu chuẩn cụ thể.

- Khách hàng trong nhà trường là ai? Có thể hiểu trước tiên đó là thị trường lao động, những người sử dụng và tuyển dụng lao động.

- Không chấp nhận làm thử và không có cơ hội làm lại. Điều khác biệt này đòi hỏi sự chu đáo trong việc chuẩn bị cho một quá trình đào tạo trong tất cả các khâu.

2.2.4 Nhận xét hệ thống kế toán và kế toán quản trị

Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động (khoản 1 điều 4 của Luật kế toán). Cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học thông tin và nhu cầu sử dụng thông tin trong việc ra các quyết định kinh tế, yêu cầu về chất lượng, số lượng thông tin do kế toán cung cấp đòi hỏi ngày càng cao hơn, phong phú và đa dạng hơn, nhanh chóng và kịp thời hơn. Để đáp ứng yêu cầu đó, kế toán không ngừng phát triển về nội dung hạch toán, hình thức tổ chức và phương tiện xử lý và cung cấp thông tin. Nếu xét về phạm vi phục vụ chủ yếu của thông tin kế toán thì kế toán được phân chia thành kế toán tài chính và kế toán quản trị.



Hình 2.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán

Mỗi đối tượng có nhu cầu khác nhau về thông tin do kế toán cung cấp. Chẳng hạn, những nhà đầu tư, cổ đông thường quan tâm xem doanh nghiệp hoạt động trong kỳ có lãi là bao nhiêu, tỷ lệ lãi trên vốn đầu tư là bao nhiêu; chủ nợ, nhà cung cấp thì quan tâm xem doanh nghiệp có khả năng thanh toán nợ hay không, tại sao số tiền quỹ lại giảm sút so với năm trước; cơ quan thuế thì muốn biết xem doanh nghiệp đã tính và nộp thuế đúng và đủ hay chưa,... Những thông tin này được kế toán cung cấp thông qua các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ,... Lập những báo cáo này là công việc của kế toán tài chính, và nó được lập định kỳ (cuối quý, cuối năm). Các nhà quản trị trong đơn vị cũng cần biết được kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trong một giai đoạn nào đó nên họ cũng cần thông tin do kế toán tài chính cung cấp. Tuy nhiên, nhà quản trị còn cần phải lập kế hoạch và tính toán các đường lối hành động và xem xét các đường lối nào là tốt nhất để ra quyết định kịp thời, các quyết định sẽ tốt hơn khi dựa trên những suy luận hợp lý, những thông tin hữu ích, kịp thời, mà những thông tin do kế toán tài chính cung cấp không đáp ứng được điều đó vì nó được lập vào cuối kỳ (tháng, quý, năm). Vì thế, để đáp ứng kịp thời những thông tin cho yêu cầu lập kế hoạch và tính toán đường lối hành động thì kế toán phải cung cấp những thông tin khác hơn những gì thể hiện trên báo cáo tài chính. Những thông tin cần thiết và hữu ích đó sẽ được cung cấp bởi kế toán quản trị.

Như vậy có thể hiểu: Kế toán tài chính phản ánh các thông tin về tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị. Sản phẩm của kế toán tài chính là các báo cáo tài chính. Thông tin do kế toán tài chính cung cấp ngoài việc được sử dụng cho bộ phận quản lý còn được sử dụng để cung cấp cho những người sử dụng bên ngoài. Kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của đơn vị như: Chi phí từng bộ phận, từng công việc, sản phẩm; phân tích, đánh giá tình hình thực hiện với kế hoạch về chi phí, doanh thu; quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn; phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận; lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định kinh tế; lập dự toán thu chi ngân sách, dự toán hoạt động sản xuất kinh doanh;... nhằm phục vụ việc điều hành và ra quyết định kinh tế.

Để hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, chúng ta cần phân biệt 2 khía cạnh này: Có nhiều ý kiến khác nhau về phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị, nhưng tựu trung lại có thể thấy có những điểm khác nhau như sau:

- Kế toán quản trị nhấn mạnh việc cung cấp thông tin cho người sử dụng là nhà quản lý trong nội bộ đơn vị. Để có thể điều hành các hoạt động hàng ngày của đơn vị và lập kế hoạch đường lối hoạt động cho tương lai, giải quyết các vấn đề thường xuyên xảy ra thì người quản lý đòi hỏi phải có những thông tin chi tiết, cụ thể. Những thông tin này không cần cho những người bên ngoài.

- Kế toán quản trị đặt trọng tâm cho tương lai nhiều hơn. Nhiệm vụ của nhà quản trị là lập kế hoạch cho tương lai nên họ cần những số liệu quá khứ chủ yếu để ước đoán cho những gì sẽ xảy ra. Ngược lại, kế toán tài chính chỉ trình bày những gì đã xảy ra.

- Kế toán quản trị cần số liệu thích hợp và linh động. Số liệu kế toán tài chính phải có tính khách quan và có thể thẩm tra được, còn số liệu của kế toán quản trị không cần phải chính xác mà cần phải thích hợp và linh động để người quản lý có thể sử dụng trong những tình huống khác nhau.

- Kế toán quản trị chú trọng đến từng bộ phận trong khi kế toán tài chính thường lập báo cáo liên quan đến toàn đơn vị.

- Kế toán quản trị xuất phát từ nhiều ngành khác nhau.

- Kế toán quản trị không tuân thủ những nguyên tắc chung của kế toán. Trong khi đó khi soạn thảo các báo cáo tài chính, người soạn thảo phải tuân thủ các nguyên tắc chung nhằm đảm bảo cho sự tin cậy về số liệu đối với người nhận báo cáo.

- Kế toán quản trị không có tính pháp lệnh. Kế toán tài chính có tính pháp lệnh, sổ sách kế toán tài chính phải đầy đủ số liệu để đáp ứng theo những yêu cầu của người bên ngoài. Kế toán quản trị không có tính pháp lệnh và không có tính bắt buộc. Sổ sách kế toán quản trị do đơn vị tự quyết định lấy, họ biết cần phải làm gì và làm như thế nào.

Bảng 2.7. Nhận xét và so sánh về kế toán tài chính và kế toán quản trị

Tiêu chí so sánh	Kế toán tài chính	Kế toán quản trị
Mục đích	Cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính	Cung cấp thông tin phục vụ điều hành hoạt động của đơn vị
Đặc điểm thông tin	Thông tin quá khứ, khách quan, có thể kiểm tra	Thông tin mang tính linh hoạt, thích hợp, hướng về tương lai
Thước đo	Chủ yếu là thước đo giá trị	Sử dụng cả 3 loại thước đo và các đơn vị tính khác theo yêu cầu quản lý
Nguyên tắc tổ chức hệ thống thông tin	Tuân thủ nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận	Không có những ràng buộc
Phạm vi và nội dung của thông tin Kỳ báo cáo	Cung cấp thông tin tổng quát về đơn vị Báo cáo định kỳ	Cung cấp thông tin từng khâu, từng bộ phận Báo cáo theo yêu cầu của nhà trường
Tính pháp lý của thông tin	Có tính pháp lệnh	Không có tính pháp lệnh

Mặc dù có những điểm khác biệt nhau, nhưng bởi vì chúng là hai phân hệ của hệ thống kế toán chung nên cũng có những điểm giống nhau và có mối quan hệ mật thiết với nhau:

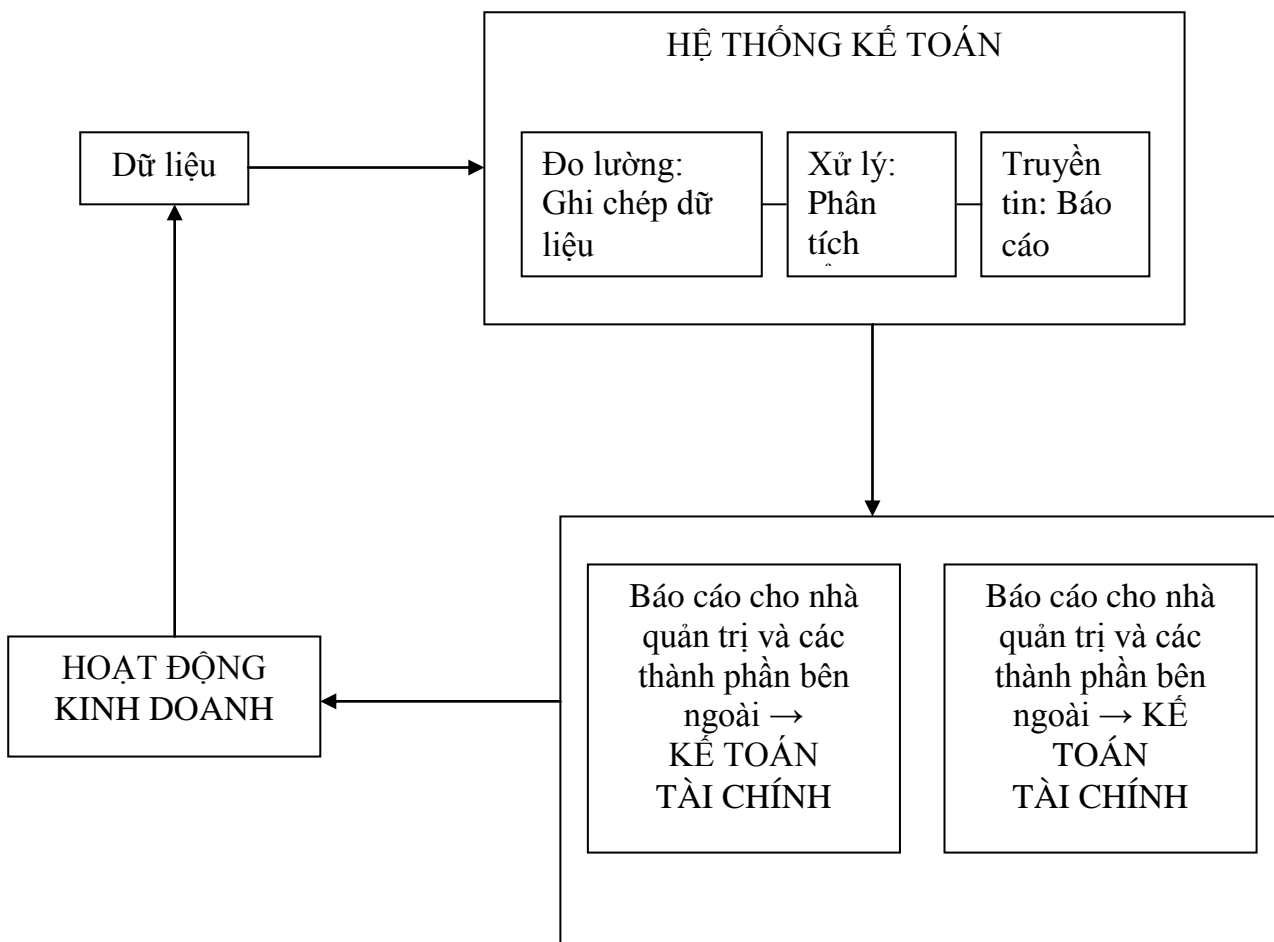
- Cả hai đều nằm trong hệ thống thông tin kế toán. Trong đó kế toán quản trị sử dụng số liệu ghi chép ban đầu của kế toán tài chính. Chẳng hạn, nhà quản trị sử dụng thông tin về chi phí, thu nhập để ra các quyết định kinh doanh. Tuy nhiên những thông tin này được khai thác, xử lý và sắp xếp lại cho phù hợp với từng yêu cầu quản lý cụ thể. Ví dụ: Doanh thu phân chia theo khu vực hay theo nhóm sản phẩm từ đó có quyết định đầu tư vào khu vực nào nhiều hơn hay nhóm sản phẩm nào nhiều hơn.

- Cả hai đều có liên quan đến việc phục vụ thông tin cho quản đơn vị. Trong đó, kế toán quản trị liên quan đến điều hành và quản lý của từng bộ phận, từng yếu tố,

quá trình hoạt động của đơn vị, còn kế toán tài chính có liên quan đến hoạt động quản lý toàn đơn vị.

- Các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận không chỉ thích hợp cho kế toán tài chính mà còn thích hợp cho kế toán quản trị. Thật vậy, không phải toàn bộ kế toán quản trị đều không tuân theo các chuẩn mực kế toán, mà một bộ phận của kế toán quản trị là kế toán chi phí cũng tuân theo chuẩn mực kế toán vì nó cung cấp dữ liệu cho việc lập báo cáo tài chính (xác định giá trị sản phẩm tồn kho, giá vốn hàng bán ra, các phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho).

- Cả hai đều có bản chất, nội dung và đối tượng chung của kế toán là việc phản ánh sự vận động của tài sản, nguồn vốn, đều quan tâm đến doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động, đều sử dụng bốn phương pháp kế toán: Chứng từ, tài khoản, tính giá và tổng hợp cân đối.



Hình 2.4. Môi quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị

2.3 Đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục

2.3.1 Kết quả đạt được trong công tác kế toán

Công tác kế toán ở trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn bao gồm 2 phần là kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết và phân thành những thành phần cụ thể như sau:

- Kế toán vốn bằng tiền, kế toán thanh toán;
- Kế toán tài sản, vật tư;
- Kế toán nguồn kinh phí;
- Kế toán các khoản thu, chi;
- Kế toán tổng hợp.

Hàng năm tiến hành lập dự toán thu – chi theo định mức ngân sách cấp và các nguồn thu của trường theo quy định. Trong quá trình quản lý và vận hành công tác kế toán thì vẫn sử dụng các phương pháp thủ công và cứng nhắc như:

- Vận dụng hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái;
- Kinh phí không được sử dụng linh hoạt mà phải sử dụng theo từng nguồn và hạch toán riêng;
- Việc lập dự toán thu chi dựa theo mục lục ngân sách Nhà nước và lập cho toàn trường mà không hoàn toàn dựa theo nơi phát sinh (các khoa, phòng ban), do đó không thể đánh giá và đề ra các biện pháp kiểm soát chi phí.
- Trong mục lục ngân sách thì các khoản mục, tiêu mục quá chi tiết và cứng nhắc, gây khó khăn cho công tác quản lý chi phí nhưng không hiệu quả vì thông tin không được cung cấp một cách kịp thời và hữu ích cho nhà quản lý.
- Có sử dụng phần mềm MISA để quyết toán và quản lý tài sản cố định.

Do vậy kết quả đạt được trong công tác kế toán của trường chỉ mang tính hạch toán thu – chi trên những gì đã có, chưa mang tính quản trị nhiều trong đó. Hàng năm vẫn

lập dự toán theo hướng bị động, bao cấp nên nhà trường không chủ động được các nguồn lực kinh tế để có kế hoạch lâu dài.

2.3.2 Hạn chế, tồn tại trong công tác kế toán

Hiện nay công tác kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn tuy đã có nhiều thay đổi cho phù hợp với những chính sách về tài chính. Tuy nhiên vẫn còn có những hạn chế, tồn tại nhất định, cụ thể như:

- Không có sự phân biệt giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị: trong các thông tin kế toán cung cấp ngoài những thông tin kế toán tài chính như tình hình vật tư, kinh phí, các khoản thu chi cũng có những thông tin kế toán quản trị như phân tích quyết toán, lập dự toán tuy nhiên không có sự phân biệt giữa 2 lĩnh vực này.

- Thông tin kế toán chủ yếu là để cung cấp cho cơ quan chức năng và cơ quan chủ quản như sở Tài chính, sở Giáo dục & Đào tạo, sở LĐTĐ&XH, UBND tỉnh Lạng Sơn . . . hơn là cung cấp cho nhà quản trị. Tất cả các mẫu biểu báo cáo đều theo mẫu quy định chung thống nhất không theo yêu cầu của nhà quản trị.

- Mặc dù theo hướng dẫn của chế độ kế toán là hệ thống kế toán theo phương pháp phát sinh giống như kế toán doanh nghiệp nhưng trường thường áp dụng phương pháp thực thu, thực chi hay phương pháp phát sinh cải biên cụ thể như sau:

+ Các khoản thu từ ngân sách hoặc thu học phí chỉ được ghi nhận khi thu tiền, còn số kinh phí được duyệt trong dự toán hoặc số học phí học sinh, sinh viên chưa thu không được phản ánh.

+ Các khoản chi cũng vậy, chỉ được ghi nhận khi thanh toán, vì vậy có những khoản là chi phí của niên độ kế toán nhưng chưa chi không được xem là chi phí (Chẳng hạn như tiền dạy vượt giờ của giáo viên trong năm), lại có những khoản thực chi liên quan đến nhiều kỳ kế toán lại được ghi nhận vào chi phí trong kỳ (chẳng hạn như chi mua tài sản cố định, chi sửa chữa lớn tài sản cố định). Có thể nói đây là đặc điểm lớn nhất của trường bởi một điều rất đơn giản là nó dựa trên sự cân đối giữa nguồn kinh phí và sử dụng kinh phí hơn là sự cân đối giữa thu nhập và chi phí. Nhà trường hàng năm tiến hành lập dự toán thu, chi ngân sách và được ngân sách cấp kinh

phí theo dự toán được duyệt dựa vào chế độ quy định hiện hành, sau đó thực hiện dự toán theo đúng các mục đích và nội dung dự toán được duyệt, không được sử dụng linh hoạt nguồn kinh phí. Mặc dù kinh phí sử dụng không hết sẽ được chuyển sang năm sau nhưng lại bị trừ vào kinh phí được cấp của năm sau. Nguồn thu từ học phí của trường được phép giữ lại để chi cho hoạt động ở đơn vị nhưng cũng được xem như một khoản kinh phí để lại (thay cho phần kinh phí được ngân sách cấp) và cũng chịu sự kiểm soát như khoản chi từ nguồn ngân sách cấp

2.3.3 Nguyên nhân hạn chế tồn tại

2.3.3.1 Nguyên nhân chủ quan của trường

- Nhà trường còn thực hiện quản lý theo chức năng.
- Các bộ phận tham mưu về tài chính kế toán của trường chủ yếu chỉ thực hiện việc ghi chép kế toán và kiểm tra việc chấp hành các chế độ chính sách thu chi theo quy định của Nhà nước.
- Hiệu trưởng nhà trường xuất thân là các nhà khoa học, nhà giáo mà chuyên môn không phải là kinh tế, không được học qua môn kế toán quản trị vì vậy chưa nhận thức được vai trò quan trọng cũng như tính hữu ích của thông tin kế toán quản trị trong quá trình điều hành hoạt động và ra quyết định.
- Nhân viên kế toán tuy đã làm những công việc về kế toán quản trị nhưng thực sự cũng chưa hiểu về kế toán quản trị. Mặt khác, chưa có một mối liên hệ chặt chẽ giữa các nhà quản trị và các nhân viên vì vậy chưa thể tạo ra những diễn biến tích cực trong việc tổ chức thực hiện kế toán quản trị.
- Điều hành hoạt động theo kinh nghiệm là chủ yếu, quá trình hạch toán chủ yếu là để báo cáo cho cấp trên, cho cơ quan chủ quản, mang tính đối phó. Hệ thống kế toán mới chỉ là một hệ thống kế toán hỗn hợp bao gồm kế toán tài chính và kế toán quản trị mà phần hành chủ yếu là kế toán tài chính nên việc đặt trọng tâm vào thu hạn thông tin cho kế toán quản trị hầu như không có.
- Hiện nay nhà trường vẫn còn đang sử dụng phương pháp ghi chép thủ công cũ và lạc hậu. Việc thiết lập một hệ thống lưu trữ số liệu kế toán vi tính hoá rất tốn kém vì vậy

đơn vị phải xem xét lợi ích từ những thông tin thu nhận được từ hệ thống lưu trữ chứng từ bằng máy vi tính so với chi phí phải trả cho hệ thống đó.

2.3.3.2 Chính sách của Nhà nước và dấu ấn của thời kỳ bao cấp

- Đào tạo theo chỉ tiêu tỉnh giao, học phí cũng do tỉnh quyết định nên các khoản thu từ học phí không được điều chỉnh kịp thời. Các nguồn thu chi đều căn cứ vào mục lục ngân sách cố định, không được sử dụng linh hoạt, nếu các trường có tiết kiệm được cũng không được chi thêm cho CNV hay tăng tích lũy mà phải chuyển kinh phí sang năm sau. Điều này đã làm cho các đơn vị không chủ động đề ra các biện pháp quản lý tài chính tích cực, hiệu quả.

- Mặc dù nghị định 16 đã có hiệu lực từ 06 tháng 4 năm 2015 trao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập từ nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đồng thời khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công chuyển sang loại hình doanh nghiệp nhưng việc triển khai nghị định vẫn còn rất dè dặt, các đơn vị chưa dám mạnh dạn tự chủ hoàn toàn, luôn tồn tại tâm lý e ngại vì phạm chế độ tài chính của Nhà nước trong suy nghĩ của các nhà quản lý.

- Đôi lúc muốn mạnh dạn hơn trong việc tự chủ tài chính, nhưng lại gặp một rào cản khác đó là sự quản lý của các cơ quan chủ quản, cơ quan chức năng do dấu ấn nặng nề của thời kỳ bao cấp vẫn còn bao trùm lên lĩnh vực giáo dục đào tạo. Trong tình thế đó các nhà quản lý ở các cơ sở đào tạo nói chung không thể phát huy được vai trò chủ động trong lĩnh vực tài chính của cơ sở mình.

2.3.3.3 Sự mới mẻ của kế toán quản trị trong các trường học ở nước ta

Kiến thức chung về kế toán quản trị còn là điều mới mẻ ở nước ta, quá trình vận dụng các nội dung của nó chỉ mới diễn ra ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và cũng chỉ được hướng dẫn một cách bài bản từ năm 2006 (thông tư 53/2006/TT-BTC ngày 12/6/2006). Do đó, việc chưa vận dụng kế toán quản trị vào các tổ chức phi lợi nhuận là điều tất nhiên.

Kết luận chương 2

Việc vận dụng kế toán quản trị vào công tác kế toán và quản lý còn là điều khá mới mẻ đối với các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nói chung và đối với trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn nói riêng. Qua tìm hiểu thực trạng hệ thống kế toán tại một số trường đã nói lên điều đó. Đặc điểm kế toán tại các trường chuyên nghiệp là áp dụng phương pháp thực thu, thực chi hoặc phương pháp phát sinh cải biên, dự toán thu chi được lập theo mục lục ngân sách một cách cứng nhắc, kinh phí không được sử dụng linh hoạt mà phải sử dụng riêng từng nguồn và hạch toán riêng, thông tin kế toán chủ yếu cung cấp cho cơ quan chức năng hơn là cho nhà quản trị. Trong công tác kế toán cũng có một vài biểu hiện của kế toán quản trị như tiến hành lập dự toán, xây dựng định mức chi phí và phân tích quyết toán, tuy nhiên nội dung quá sơ sài và không thấy được vai trò quan trọng của kế toán quản trị là cung cấp thông tin hữu ích cho việc lập kế hoạch, tổ chức điều hành hoạt động, kiểm tra và ra quyết định.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do việc điều hành hoạt động theo kinh nghiệm là chủ yếu, kiến thức chung về kế toán quản trị của các nhà quản lý còn hạn chế. Và một nguyên nhân nữa đó là dấu ấn nặng nề của thời kỳ bao cấp vẫn còn bao trùm lên lĩnh vực giáo dục.

CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN

3.1 Định hướng đầu tư phát triển của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

3.1.1 Mục tiêu tổng quát

Trước yêu cầu mới của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong 5 năm tới là đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ của khoa học - công nghệ. Mặt khác, việc Việt Nam ký kết và gia nhập các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương thế hệ mới, đã đặt ra cho nước ta nhiều thách thức trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Dự báo đến năm 2025, lao động Việt Nam sẽ có sự dịch chuyển nhanh từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp và dịch vụ, trong đó chủ yếu chuyển sang ngành dịch vụ. Giai đoạn 2016 – 2020 cần đào tạo giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 12 triệu người, trong đó trình độ cao đẳng là 1,44 triệu người (chiếm khoảng 12%), trình độ trung cấp là 1,76 triệu người (chiếm khoảng 14,5%), trình độ sơ cấp là 8,8 triệu người (chiếm khoảng 73%).

Thực tế đang đặt ra những đòi hỏi bức thiết về việc cần phải đổi mới cơ bản và toàn diện, tạo sự đột phá về chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là đào tạo chất lượng cao; phát triển quy mô tương ứng với các điều kiện đảm bảo chất lượng; đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các cấp trình độ đào tạo; xây dựng hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi đối tượng người học; phát triển các trường chất lượng cao, nghề trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng gắn chặt chẽ với thị trường lao động và xã hội, chuyên mạnh đào tạo gắn kết với việc làm và tạo việc làm bền vững, xuất khẩu lao động và an sinh xã hội. Tạo điều kiện thu hút mọi nguồn lực của xã hội để đổi mới và

nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; tăng cường khả năng tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

Mục tiêu tổng quát đặt ra là phải đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; người học ra trường phải đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, có việc làm và thu nhập tốt hơn; người đáp ứng yêu cầu và có nguyện vọng học cần được theo học các chương trình liên thông; không để tình trạng đào tạo ra không có việc làm, thất nghiệp, lãng phí nguồn lực xã hội...

3.1.2 Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

Trong đường lối chiến lược phát triển kinh tế xã hội do đại hội Đảng XI đề ra đã khẳng định sự cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề và hướng tới có tay nghề cao để đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội. Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn cũng đã và đang được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, UBND tỉnh Lạng Sơn quan tâm đầu tư phát triển để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh nói riêng và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước nói chung.

Từ năm 2014, sau khi nhà trường được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng nghề, UBND tỉnh đã có sự quan tâm và tạo điều kiện hơn về cơ sở vật chất và con người để từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Điều này càng khẳng định vai trò và uy tín của trường cũng như việc thực hiện chủ trương đường lối phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Đảng và Nhà nước là hết sức có giá trị. Cho đến nay, về cơ bản trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn đã đạt được những mục tiêu trong giai đoạn đổi mới và phát triển của hệ thống giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, từ năm 2017 hệ thống dạy nghề đã chuyển đổi thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp, cơ chế vận hành hoàn toàn thay đổi và có hướng mở cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đây là một cơ hội lớn, song cũng đứng trước những khó khăn mới, thách thức mới đòi hỏi mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động của nhà trường cần phải nỗ lực, quyết tâm đồng sức, đồng lòng để vận hành, sử dụng đầu tư kinh phí của nhà nước có hiệu quả cao, nâng cao chất lượng đào tạo trong điều kiện các nguồn lực còn hạn hẹp.

*** Tầm nhìn đến năm 2020**

Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn sẽ từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất, chuyên môn nghiệp vụ và hướng tới chuẩn đầu ra cho học sinh, sinh viên để trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín trên địa bàn tỉnh về đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật và kỹ thuật cao, hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế.

***Sứ mạng đến năm 2020**

Nhà trường cung cấp dịch vụ giáo dục - đào tạo đa ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu người học tại địa phương, tạo cơ hội học tập thuận lợi cho mọi đối tượng đáp ứng nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh cũng như của đất nước.

*** Chính sách chất lượng đến năm 2020**

- Xây dựng nhà trường trở thành cơ sở đào tạo mở, hướng tới người học, đào tạo nguồn nhân lực nhiều trình độ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.
- Thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, lấy người học làm trọng tâm; triệt để áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, hướng người học tiếp cận những máy móc thiết bị hiện đại để sau khi ra trường họ có đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực tế để làm việc.
- Mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học, cao đẳng để tạo ra mô hình đào tạo đa ngành, đa nghề.
- Khuyến khích học tập, sáng tạo.

3.2 Các vấn đề đặt ra khi vận dụng kế toán quản trị vào trường cao đẳng nghề Lạng Sơn

3.2.1 Hoàn thiện việc phân tích đánh giá báo cáo tài chính

Có thể thấy 2 đặc trưng quan trọng của kế toán quản trị là tính linh hoạt của thông tin và định hướng lên người sử dụng thông tin.

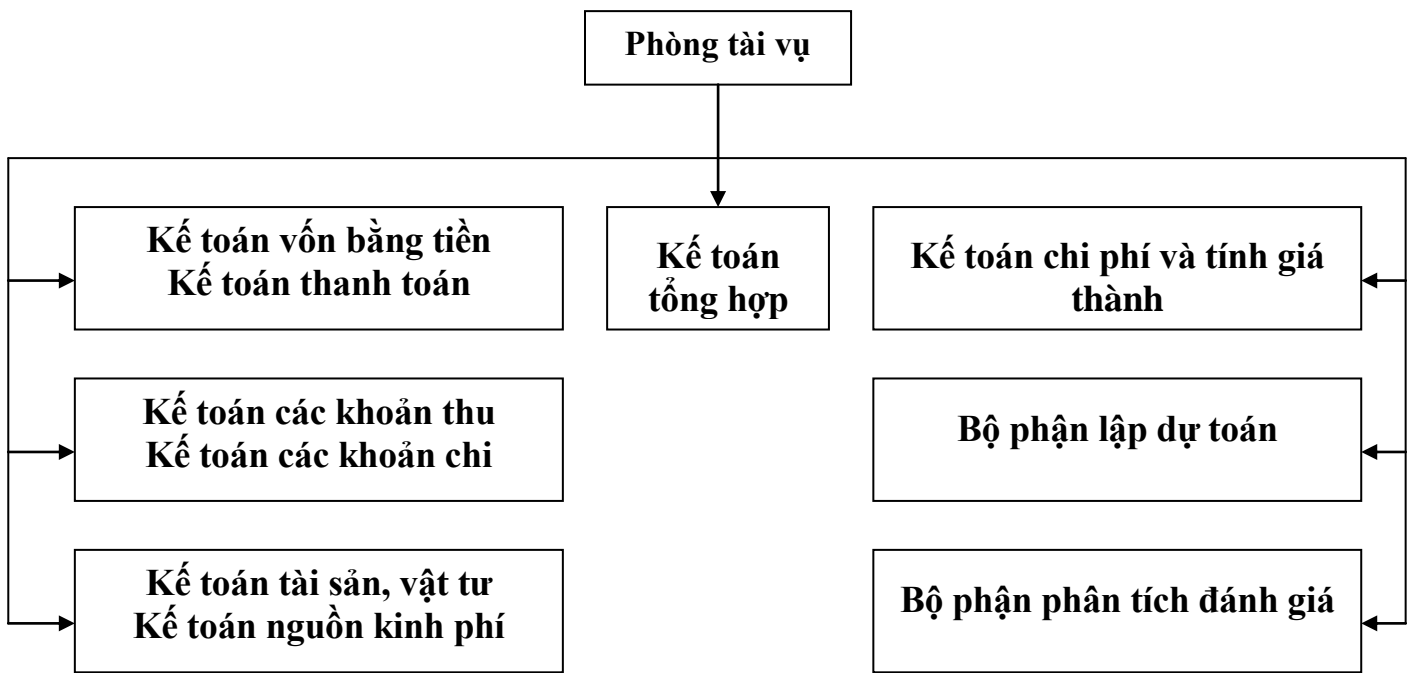
Tính linh hoạt của thông tin nghĩa là thông tin cung cấp cho quá trình ra quyết định quản lý và kiểm soát chỉ thật sự hữu ích trong trường hợp nó được chuyển

đến cho người sử dụng đúng lúc. Muốn vậy phải xây dựng một hệ thống thông tin mang tính tự động hoá các quá trình tính toán. Hơn nữa, kế toán quản trị không chỉ xem xét hoạt động sản xuất kinh doanh như một khối thống nhất duy nhất mà còn đo lường và đánh giá hiệu quả làm việc của từng bộ phận riêng biệt, từng dự án, hợp đồng, sản phẩm, khách hàng,... Trong mọi tình huống, mọi phương diện hoạt động kế toán quản trị đều có thể cung cấp thông tin đa chiều, với các mức độ khác nhau cho các đối tượng sử dụng. Tính định hướng lên người sử dụng thông tin: thông tin cung cấp cho nhà quản trị để ra quyết định và kiểm soát phụ thuộc vào bộ phận chức năng mà ở đó nhu cầu thông tin đã được phân loại và phụ thuộc vào vị trí của nhu cầu thông tin trong cơ cấu tổ chức quản lý. Khi xây dựng hệ thống kế toán quản trị trong trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- Quy chế hoạt động của nhà trường.
- Đặc điểm hoạt động và quy mô của nhà trường .
- Cơ cấu tổ chức quản lý.
- Các nội quy của nhà trường.
- Hệ thống thông tin kế toán.

3.2.2 Tổ chức bộ máy kế toán quản trị

Những nội dung kế toán quản trị đề xuất ở phần trên chỉ có thể vận dụng được và phát huy tác dụng khi trong nhà trường có một bộ máy kế toán khoa học. Do đó cần tổ chức, sắp xếp lại bộ máy kế toán trong trường theo hướng kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trong đó kế toán quản trị sẽ sử dụng những thông tin đầu vào chủ yếu của kế toán tài chính để thu thập, xử lý theo nhu cầu của mình. Do đặc điểm hoạt động của trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn là trường chuyên nghiệp sẽ đơn giản hơn các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nên mô hình bộ máy kế toán có thể được tổ chức như sau:



Hình 3.1. Tổ chức bộ máy kế toán quản trị tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

Tuỳ theo khối lượng công việc nhiều hay ít mà mỗi nhân viên kế toán có thể đảm nhận một hay nhiều phần hành kế toán khác nhau. Chẳng hạn có thể phân chia công việc như sau (mô hình đề nghị phòng Tài vụ gồm 6 nhân viên, trong đó có một thủ quỹ):

- Đứng đầu là kế toán trưởng (trưởng phòng) phụ trách chung về công tác kế toán trong trường. Hướng dẫn các nhân viên trong phòng về các chế độ liên quan đến công tác kế toán, tài chính và thực hiện việc phân tích, đánh giá
- Phó phòng kế toán là người hỗ trợ công việc cho trưởng phòng và chuyên trách bộ phận lập dự toán .
- Một nhân viên kế toán phụ trách phần hành kế toán vốn bằng tiền, các khoản thanh toán, kế toán các khoản thu.
- Kế toán tổng hợp thực hiện các phần hành kế toán còn lại: kế toán thuế, kế toán nguồn kinh phí, kế toán tài sản vật tư.
- Một nhân viên kế toán phụ trách phần hành kế toán các khoản chi đồng thời thực hiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

3.3 Các giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

3.3.1 Xây dựng dự toán theo định hướng phát triển

Việc phân tích chi phí nhằm cung cấp thông tin cho việc lập dự toán về chi phí và tính giá thành đào tạo. Cụ thể đó là: thông qua việc phân tích các chênh lệch giữa thực tế và dự toán để hoạch định và kiểm soát chi phí, để điều chỉnh quy mô, ngành đào tạo, học phí; thông qua việc phân tích chi phí để đánh giá kết quả hoạt động của các bộ phận tham gia vào quá trình đào tạo.

Chi phí là một trong những thông tin quan trọng hàng đầu cho các nhà quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy khi nghiên cứu về chi phí theo quan điểm của kế toán quản trị, chúng ta không chỉ quan tâm đến những chi phí thực tế phát sinh trên cơ sở các chứng từ mà còn phải chú trọng đến mục đích sử dụng các thông tin về chi phí để làm gì. Do đó, việc phân loại chi phí theo những tiêu thức thích hợp nhằm đáp ứng các mục tiêu khác nhau của nhà quản lý là một yêu cầu cần thiết.

Để tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đào tạo cần phải xác định được: (1) đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành; (2) phân loại chi phí của quá trình đào tạo; (3) trình tự tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đào tạo.

Xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đào tạo:

Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn đào tạo theo niên khoá nên đối tượng tập hợp chi phí là từng ngành học và đối tượng tính giá thành là từng học sinh của một năm học hoặc một khoá học. Cách tính này là hợp lý nhất vì nó làm cơ sở để tính học phí phải nộp của từng học sinh trong một năm học hay toàn khoá và là cơ sở để trường lập dự toán và kiểm soát chi phí cho từng ngành học và từng khoá học, đồng thời giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước có thể nắm được thông tin về giá thành đào tạo của từng cơ sở, từ đó có thể tính bình quân giá thành đào tạo cho từng ngành nghề trong cả nước. Tuy nhiên cách xác định đối tượng tính giá thành như trên cũng chỉ mang tính tương đối vì chi phí cho một học sinh còn tùy thuộc vào số lượng học sinh trên một lớp học (có những khoản chi phí tính cho một lớp học). Trong nội dung phần này chúng tôi giả định rằng số lượng học sinh trên một lớp học là bằng nhau. Phân loại chi phí của quá trình đào tạo:

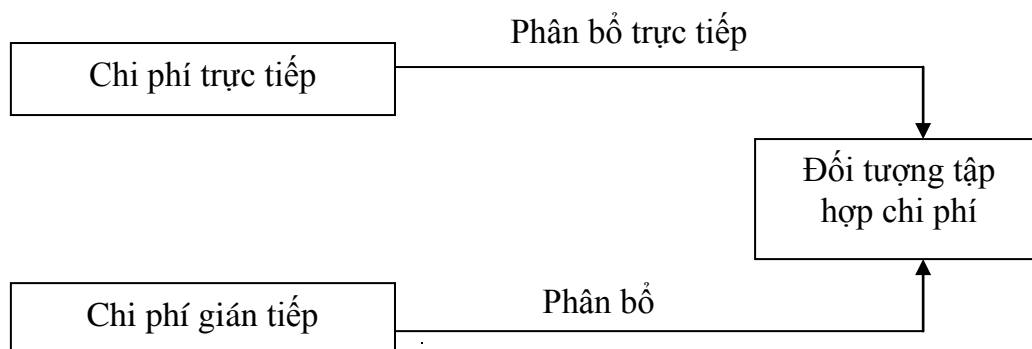
Sau khi xác định được đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đào tạo, chúng ta phải phân loại chi phí để tiến hành tập hợp chi phí. Để phục vụ cho mục đích ra quyết định chúng tôi sử dụng cách phân loại chi phí đào tạo thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Chi phí trực tiếp của một đối tượng tập hợp chi phí là những khoản chi phí mà có thể tính thẳng và toàn bộ cho đối tượng chịu chi phí, nó gắn liền với đối tượng tập hợp chi phí. Trong trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn hiện đang tính chi phí trực tiếp như:

- Tiền lương của giáo viên trực tiếp giảng dạy.
- Chi phí vật tư thực tập cho học sinh (chẳng hạn vải cho ngành may, xăng dầu cho ngành cơ khí).
- Chi phí khấu hao giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, các phương tiện giảng dạy.

Tiền điện, nước và các vật dụng cần thiết khác như phấn, viết, giẻ lau,... Chi phí gián tiếp của một đối tượng tập hợp chi phí là những khoản chi phí mà không thể tính thẳng toàn bộ cho đối tượng đó mà phải thực hiện phân bổ. Chi phí gián tiếp liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí. Tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn thì chi phí gián tiếp gồm:

- Chi phí phục vụ và quản lý từng khoa, tổ chuyên môn: tiền lương và phụ cấp cho cán bộ, nhân viên quản lý, phục vụ khoa; chi phí văn phòng phẩm, chi phí điện, điện thoại tại khoa; chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí hành chính khác phát sinh tại khoa.
- Chi phí phục vụ và quản lý toàn trường: tiền lương và phụ cấp cho cán bộ, nhân viên quản lý và phục vụ ở các phòng ban; chi phí văn phòng phẩm, chi phí điện, nước, điện thoại chung toàn trường; chi phí khấu hao tài sản cố định; chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí và các chi phí hành chính khác.
- Chi phí phục vụ và hỗ trợ học sinh sinh viên: bao gồm các khoản chi phí cho thư viện, y tế, chi hoạt động ngoại khoá, hoạt động đoàn, hội,...



Hình 3.2. Mối quan hệ giữa chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp và đối tượng tập hợp chi phí

Trình tự tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đào tạo:

- Đối với chi phí trực tiếp: tập hợp cho từng ngành học căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh:

- Tiền lương và tiền giờ giảng dạy của giáo viên căn cứ vào hệ số lương, phân công giảng dạy và lịch trình giảng dạy.
- Chi phí vật tư thực tập cho học sinh được tính trên cơ sở số liệu báo cáo của các khoa về tình hình sử dụng vật tư (phải có quy trình kiểm tra tình hình sử dụng).
- Chi phí khấu hao giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phương tiện giảng dạy căn cứ vào khung thời gian sử dụng (tỷ lệ khấu hao năm), số buổi học, số ca thực tập, thí nghiệm trong một ngày.
- Các chi phí khác thực hiện khoán trên cơ sở tỷ lệ với lớp học của khoa.

- Đối với chi phí gián tiếp:

- Tập hợp chi phí theo từng bộ phận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.
- Phân bổ chi phí gián tiếp cho từng ngành đào tạo theo tiêu thức thích hợp, chẳng hạn chi phí phục vụ khoa phân bổ theo số lớp học của khoa; chi phí phục vụ cấp trường phân bổ theo số lớp học của cả trường; chi phí phục vụ, hỗ trợ học sinh sinh viên phân bổ theo số lượng học sinh của từng ngành học.

- Tính giá thành sản phẩm đào tạo: giá thành được tính cho từng ngành học cho từng năm và chia cho số lượng học sinh sinh viên của từng ngành.

Từ quá trình phân tích, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đào tạo, nhà trường sẽ tiến hành lập dự toán thu, chi ngân sách.

Dự toán thu, chi ngân sách là một công cụ giúp cho Hiệu trưởng trong việc hoạch định, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của toàn đơn vị. Đó là việc tính toán một cách đầy đủ các khoản thu, chi dự kiến tại đơn vị trong một khoảng thời gian cụ thể được thể hiện thông qua một hệ thống các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá, giá trị,...

Trong trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn hiện nay đang lập dự toán thu, chi theo ngân sách cấp trên đầu học sinh bình quân và thu học phí của học sinh (Những học sinh thuộc diện chính sách sẽ được cấp bù học phí) trong đó Ngân sách cấp theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 – 2020, học phí thu theo Quyết định số 36a/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2016 – 2017 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ để lập dự toán thu, chi ngân sách là chỉ tiêu đào tạo năm kế hoạch. Trong nội dung luận văn này, chúng tôi đề nghị năm tài chính của các trường trùng với năm học để thuận tiện cho việc lập dự toán. Lập dự toán thu nhập.

Dự toán thu từ học phí: được tính trên cơ sở số lượng học sinh dự kiến trong năm học và mức học phí được tính trên tổng số học sinh vì toàn bộ số học sinh thuộc diện được miễn học phí thì được cấp bù từ ngân sách. Có nghĩa là:

Tổng dự toán trong năm = Tổng ngân sách cấp trên đầu học sinh + Tổng số học phí cần thu + Tổng số học phí được cấp bù.

Do vậy dự toán từ học phí sẽ là:

TỔNG SỐ HỌC PHÍ = TỔNG SỐ HỌC SINH X ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ/1 HS

- Dự toán thu từ ngân sách: căn cứ vào chỉ tiêu học sinh đào tạo trong năm học và định mức học sinh (Ví dụ hiện nay đang được cấp 6.500.000đ/1 học sinh).
- Dự toán thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh như cho thuê mặt bằng, bán sản phẩm thực tập của học sinh, thu từ liên kết đào tạo,...
- Các khoản thu khác.

Bảng 3.1. Dự toán thu nhập năm học 2017-2018

NỘI DUNG THU	Thực hiện 2015 - 2016		Ước thực hiện 2016 - 2017		Dự toán 2017 - 2018	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Kinh phí ngân sách cấp theo định mức học sinh. 2. Kinh phí từ học phí. 3. Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. 4. Thu từ nguồn thu khác						
TỔNG CỘNG						

Lập dự toán chi phí:

- Chi phí trực tiếp: được lập dựa trên kế hoạch dự kiến số lượng học sinh trong năm học, số lớp học và định mức chi phí cho từng yếu tố chi phí. Chi phí định mức xây dựng trên cơ sở chi phí thực tế năm học trước và một số điều chỉnh cho phù hợp với năm học mới như sự thay đổi về chế độ tiền lương, biên chế, tăng cường các trang thiết bị giảng đường, phòng thí nghiệm.
- Chi phí gián tiếp: căn cứ trên cơ sở tổng hợp dự toán chi phí phục vụ của từng khoa, phòng ban. Dự toán từng khoa, phòng ban căn cứ vào chi phí thực tế năm học trước và khối lượng công việc được giao trong năm học mới.

Bảng 3.2. Dự toán chi phí năm học 2017-2018

YẾU TỐ CHI PHÍ	Thực hiện 2015 - 2016		Ước thực hiện 2016 - 2017		Dự toán 2017 - 2018	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
1. Chi phí trực tiếp - Tiền lương và tiền giờ giảng dạy của giáo viên - Chi phí vật tư thực tập						

YẾU TỐ CHI PHÍ	Thực hiện 2015 - 2016		Ước thực hiện 2016 - 2017		Dự toán 2017 - 2018	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí khấu hao - Tiền điện, nước và các vật dụng cần thiết khác 2. Chi phí gián tiếp - Chi phí phục vụ và quản lý từng khoa, tổ chuyên môn - Chi phí phục vụ và quản lý toàn trường - Chi phí phục vụ và hỗ trợ học sinh, sinh viên 						
TỔNG CỘNG						

Sau khi lập dự toán thu nhập, chi phí, kế toán phải tiến hành tính toán cân đối thu nhập, chi phí và tích lũy. Từ đó lập dự toán luồng tiền thu, chi trong năm trên cơ sở dự toán thu nhập, chi phí và điều chỉnh các khoản chi phí, thu nhập nhưng không làm tăng, giảm tiền. Có dự toán thu, chi đơn vị sẽ có kế hoạch dự trữ một lượng tiền hợp lý để đảm bảo hoạt động của trường được diễn ra bình thường tránh lượng tiền nhàn rỗi quá lâu hoặc thiếu tiền.

Việc lập dự toán trên đây chỉ là dự toán trong ngắn hạn, đối với đơn vị, cũng giống như các doanh nghiệp, ngoài việc lập dự toán năm còn phải lập dự toán dài hạn, chính là dự toán về tài sản cố định và đầu tư dài hạn. Dự toán này có đặc điểm là dự kiến một khoản lợi ích mang lại từ dự án là tương đối lớn trong tương lai và rủi ro cũng khá cao, thời gian hoàn vốn dài. Do đó khi lập dự toán cần phải phân tích thật kỹ hiệu quả tài chính của dự án. Trong phạm vi luận văn này, tác giả không đi vào nội dung chi tiết của dự toán dài hạn.

Trình tự lập dự toán:

1. Cuối học kỳ một năm học trước sẽ có một cuộc họp giữa lãnh đạo trường, chuyên viên, lãnh đạo các phòng ban, khoa (gọi là Hội đồng ngân sách) họp bàn và đưa ra kế hoạch chung về đào tạo và đầu tư xây dựng cơ bản cho năm học sau, từ kế hoạch chung đó, các chuyên viên sẽ tiến hành lập kế hoạch đào tạo và dự toán thu nhập. Kế

hoạch này sẽ đưa về các phòng ban, khoa để làm căn cứ lập dự toán chi phí của đơn vị mình và đưa cho các chuyên viên. Dự kiến thời gian thực hiện là 2 tháng.

2. Sau khi nhận được dự toán chi phí từ các phòng ban, khoa gửi về, các chuyên viên sẽ tổng hợp lại, đồng thời với kế hoạch về đầu tư xây dựng cơ bản và điều chỉnh một số chỉ tiêu sẽ tiến hành lập dự toán tổng hợp gồm dự toán thu nhập, chi phí; dự toán luồng thu, chi tiền mặt, lượng tiền dự trữ, sau đó trình Hội đồng ngân sách xem xét và phê duyệt. Thời gian thực hiện 1 tháng.

3. Dự toán sau khi được Hội đồng ngân sách phê duyệt sẽ triển khai và đưa về các khoa, phòng ban trước khi năm học trước kết thúc để các khoa, phòng ban định hướng hoạt động trong năm học mới.

4. Cuối học kỳ một của năm học mới, các báo cáo thực hiện của các khoa, phòng ban sẽ được xem xét, đối chiếu dự toán và tình hình thực tế để bổ sung, điều chỉnh những vấn đề cần thiết cho học kỳ hai trình uỷ ban ngân sách duyệt. Kết thúc năm học, toàn bộ báo cáo thực hiện của các bộ phận sẽ được tổng hợp lại và tiến hành phân tích, đánh giá để lập dự toán cho năm học sau.

3.3.2 Phân tích các biến động chi phí

Trong các trường chuyên nghiệp nói chung và trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn nói riêng, tuy mục tiêu hoạt động không phải vì lợi nhuận, nhưng kết thúc một năm học cũng phải tiến hành đánh giá kết quả hoạt động trong thời gian qua. Cũng như các doanh nghiệp, trường học cũng được phân chia thành các phòng ban và các khoa, điều này giúp cho việc quản lý dễ dàng và hiệu quả hơn và người quản lý ở các bộ phận cũng quan tâm đến kết quả hoạt động của bộ phận mình. Các bộ phận không thể tồn tại và hoạt động một cách độc lập mà còn phụ thuộc vào các bộ phận khác cho nên khi đánh giá kết quả từng bộ phận phải căn cứ vào sự cung cấp dịch vụ qua lại giữa các bộ phận với nhau. Vậy làm sao để đánh giá tốt nhất kết quả từng bộ phận dựa trên trách nhiệm được giao cho từng bộ phận. Vai trò của kế toán trách nhiệm là khuyến khích các bộ phận hướng đến mục tiêu chung của tổ chức.

Theo lý thuyết kế toán quản trị thì có 4 trung tâm trách nhiệm là trung tâm chi phí, trung tâm doanh thu, trung tâm lợi nhuận và trung tâm đầu tư. Tuy nhiên, đối với các

trường chuyên nghiệp với mô hình quản lý tập trung, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận thì tất cả các bộ phận (phòng ban, khoa) đều là các trung tâm chi phí, bởi vì đặc điểm của các trung tâm này là người quản lý chỉ chịu trách nhiệm hoặc có quyền kiểm soát chi phí phát sinh ở trung tâm, không chịu trách nhiệm đối với thu nhập và đầu tư vốn của trường. Số lượng học sinh đào tạo, học phí, đầu tư trang thiết bị,... hoàn toàn do nhà trường quyết định.

Đầu vào của các trung tâm này là chi phí có thể định lượng được còn đầu ra của trung tâm là dịch vụ hoặc công việc phục vụ cho nhà trường không thể định lượng một cách chính xác được (thí dụ sản phẩm của phòng tổ chức hành chính là nhân sự tuyển dụng, sự sắp xếp và bố trí nhân sự). Đây là những trung tâm chi phí tùy ý (linh hoạt), tuy nhiên các khoa thì có thể là trung tâm chi phí tiêu chuẩn vì mỗi khoa có số lượng học sinh sinh viên cụ thể và các trung tâm này chỉ chịu trách nhiệm đối với những chi phí mà họ kiểm soát được, không chịu trách nhiệm đối với các chi phí do nhà trường kiểm soát. Để đánh giá kết quả hoạt động của các trung tâm này, nhà quản trị trung tâm có trách nhiệm kiểm soát chi phí thực tế phát sinh sao cho phù hợp với chi phí dự toán đồng thời đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra. Trình tự thực hiện như sau:

- Nhà quản lý cấp trường đề ra các mục tiêu chung của nhà trường trong năm học và mục tiêu cần đạt được của từng trung tâm (phòng ban, khoa). Trên cơ sở đó lập dự toán chi phí và thống nhất giữa nhà quản lý cấp trường và nhà quản lý trung tâm.
- Trong năm học, định kỳ nhà quản lý các cấp sẽ phối hợp đánh giá tình hình thực hiện dự toán. Kết thúc một năm học, các bộ phận sẽ lập báo cáo thực hiện dự toán ngân sách. Tuy nhiên việc đánh giá trách nhiệm của các nhà quản lý trung tâm không chỉ căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán mà còn phải xem xét các mục tiêu của trung tâm có hoàn thành hay không và hoàn thành với mức độ bao nhiêu. Trong trường hợp này nếu đánh giá trách nhiệm quản lý trên cơ sở so sánh giữa chi phí thực tế và dự toán thì có thể dẫn đến các nhà quản lý ở các bộ phận sẽ cắt giảm chi phí không hợp lý dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Như vậy dự toán ngân sách và báo cáo thực hiện chỉ là một phần để đánh giá trách nhiệm quản lý. Chủ yếu nó là cơ sở cho việc lập dự toán kỳ sau. Nếu các bộ phận hoàn thành mục tiêu được giao nhưng chi phí

thực tế phát sinh vượt quá chi phí dự toán thì kế toán quản trị sẽ thực hiện phân tích biến động chi phí. Việc phân tích căn cứ vào bảng sau:

Bảng 3.3. Phân tích biến động chi phí cho bộ phận

Yếu tố chi phí	Kế hoạch	Thực tế	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Tiền lương Nhiên liệu Vật liệu phụ Công cụ dụng cụ Chi phí dịch vụ mua ngoài ...				
CỘNG				

Đây chỉ là bảng phân tích biến động chi phí chung mà chưa tính đến sự biến động về khối lượng công việc hoặc khối lượng sản phẩm thực hiện. Do đó, để quá trình đánh giá có ý nghĩa, kế toán quản trị cần phải đánh giá biến động các khoản biến phí theo mức chi phí kế hoạch đã điều chỉnh theo khối lượng công việc thực tế thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Chi phí kế hoạch điều chỉnh theo khối lượng thực tế} = \frac{\text{Chi phí kế hoạch}}{\text{Khối lượng kế hoạch}} \times \text{Khối lượng thực tế}$$

Công thức 3.1. Công thức tính chi phí theo khối lượng thực tế

Sau đó tiến hành phân tích theo bảng sau:

Bảng 3.4. Phân tích biến động biến phí

Yếu tố chi Phí	Kế hoạch đã điều chỉnh	Thực tế	Biến động	Nguyên nhân	
				Giá	Lượng
Vật tư Tiền lương ...					
CỘNG					

Trong đó:

$$\text{Biến động về giá} = \text{lượng thực tế} \times (\text{giá thực tế} - \text{giá định mức}) \quad (3.4)$$

$$\text{Biến động về lượng} = \text{giá định mức} \times (\text{lượng thực tế} - \text{lượng định mức}) \quad (3.5)$$

3.3.3 Các giải pháp vận dụng kế toán quản trị Doanh nghiệp vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

3.3.3.1 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán

Ngoài việc sử dụng các chứng từ thống nhất ban hành theo quyết định 19/2006/QĐ-BTC và các văn bản khác có liên quan, đơn vị có thể cụ thể hoá nội dung cần thiết vào từng mẫu chứng từ, thiết kế những chứng từ không có trong quy định của Nhà nước để phục vụ cho việc thu thập và cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Đơn vị cũng có thể thu thập và cung cấp thông tin thông qua hệ thống mạng nội bộ, qua email, fax và các phương tiện khác nhằm đảm bảo tính nhanh và kịp thời (ví dụ bảng chấm công ở các phòng ban được theo dõi hàng ngày qua hệ thống mạng nội bộ; bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán thu nhập tăng thêm, bảng thanh toán tiền làm thêm giờ lập theo từng khoa, phòng; lập bảng kê số tiết giảng dạy của giáo viên để xác định số giờ dạy vượt định mức từ đó giúp cho nhà quản trị có kế hoạch tuyển dụng nhân sự hoặc điều chuyển,...)

3.3.3.2 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Đơn vị căn cứ vào hệ thống tài khoản do Bộ Tài chính ban hành (theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC) để xây dựng các tài khoản chi tiết hơn (TK cấp 2,3, 4,...) phù hợp với kế hoạch, dự toán đã lập và yêu cầu cung cấp thông tin của kế toán quản trị. Cụ thể: Các tài khoản: Tài sản cố định hữu hình (TK 211), tài sản cố định vô hình (TK 213), hao mòn tài sản cố định (TK 2141, 2142), phải trả công chức, viên chức (TK 334), chi phí trả trước (TK 643), Chi hoạt động (TK 661),... mở chi tiết cho từng trung tâm chi phí. Các khoản thu mở chi tiết theo từng hoạt động và từng nội dung thu,...

3.3.3.3 Tổ chức vận dụng sổ kế toán

Ngoài việc sử dụng hệ thống sổ chi tiết theo quy định, đơn vị có thể bổ sung thêm nội dung hoặc thiết kế thêm một số sổ kế toán chi tiết nhằm cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu quản lý của đơn vị. Chẳng hạn phiếu tính giá thành sản phẩm đào tạo, sổ chi tiết chi phí trực tiếp, sổ chi tiết chi phí gián tiếp phân bổ,...

3.3.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị là phương tiện truyền đạt thông tin cho các nhà quản lý, nó cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho quản lý trong nội bộ đơn vị. Các chỉ tiêu trong báo cáo kế toán quản trị phải được thiết kế theo yêu cầu quản lý của các cấp. Hệ thống báo cáo kế toán quản trị có thể bao gồm các loại như: (1) Báo cáo cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch (bảng dự toán); (2) Báo cáo thực hiện; (3) Báo cáo phân tích (Phân tích CVP, phân tích tình hình tài chính, phân tích quyết toán, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo và tài chính)

3.3.4 Thông tin kế toán cho việc ra quyết định

3.3.4.1 Áp dụng chính sách định giá để xác định mức học phí tính cho một học sinh

Đối với các doanh nghiệp, khi đưa sản phẩm của mình tham gia thị trường, họ phải đối mặt với quyết định về giá như thế nào để thu được lợi nhuận tối đa. Đối với các trường học, tuy hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhưng vẫn phải tính toán mức thu học phí như thế nào để cân đối giữa chi phí và thu nhập đồng thời đảm bảo tính cạnh tranh trong vấn đề tuyển sinh.

Để có thể xác định học phí một cách phù hợp, các nhà quản trị phải dựa vào việc phân tích chi phí để biết được toàn bộ tiêu hao vật chất và lao động gắn liền với dịch vụ mà các đơn vị cung cấp, từ đó cho thấy một mức giá tối thiểu để trên cơ sở đó nhà quản trị các trường đưa ra một mức học phí phù hợp.

Học phí một HS = Số phải thu 1HS - Phần ngân sách Nhà nước cấp cho 1HS (3.6)

Cách xác định: Để tính số phải thu 1HS, kế toán quản trị sẽ phân tích số phải thu thành 2 bộ phận: chi phí cơ sở và số tiền cộng thêm. Chi phí cơ sở: phản ánh một mức giá cần thiết đủ bù đắp phần chi phí cơ bản. Số tiền cộng thêm: phản ánh phần tiền cần bù đắp phần chi phí chung khác và tạo ra thặng dư. Trong các trường chuyên nghiệp, số tiền phải thu 1HS có thể được xác định theo phương pháp trực tiếp. Theo phương pháp này, số phải thu được xác định trên cơ sở chi phí bao gồm:

- Chi phí cơ sở (biến phí định mức)
- Phần chi phí tăng thêm (số dư đảm phí mục tiêu)

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ số dư đảm phí mục tiêu} = \frac{\text{Tổng định phí + thặng dư mục tiêu}}{\text{Số lượng HS x biến phí 1HS (chi phí cơ sở)}}$$

Công thức 3.2. Công thức tính tỷ lệ số dư đảm phí mục tiêu

3.3.4.2 Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (CVP)

Để xác định được nội dung các khoản biến phí, định phí, thặng dư mục tiêu, số dư đảm phí mục tiêu, chúng ta sẽ phân tích thông qua mô hình mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (CVP).

Phân tích mối quan hệ CVP là một biện pháp hữu ích cho các doanh nghiệp trong việc lựa chọn đề ra quyết định liên quan đến chi phí, khối lượng sản phẩm để đảm bảo một mức lợi nhuận mong muốn.

Trong trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, tuy mục đích không phải là lợi nhuận nhưng cũng có thể vận dụng mô hình này để phục vụ cho việc ra quyết định đó là việc phân tích mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí để làm cơ sở lựa chọn các phương án khác nhau.

Đặc điểm của mô hình phân tích CVP trong trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn:

Việc phân tích mối quan hệ CVP được thực hiện dựa trên cách phân loại chi phí thành biến phí, định phí và báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp trực tiếp.

Biến phí: là những khoản chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với số lượng HS. Khi tính cho một HS thì biến phí không đổi, nếu không có HS thì chi phí này bằng không. Biến phí trong các trường thường là các khoản chi phí như vật tư thực tập cho học sinh, tiền giờ của giáo viên trả theo giờ, tiền thuê phòng bên ngoài, chi phí vật liệu giảng dạy, biến phí quản lý và phục vụ HS. Các khoản biến phí không hoàn toàn tỷ lệ tuyến tính với số lượng HS mà còn tùy thuộc vào số lượng HS trên một lớp (biến phí cấp bậc).

Định phí: là những khoản chi phí không đổi theo sự biến động của số lượng HS nhưng khi tính cho một HS thì định phí thay đổi. Định phí trong các trường thường là các khoản chi phí như tiền lương tháng và phụ cấp của giáo viên, chi phí khấu hao giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, chi phí khấu hao phương tiện, đồ dùng dạy học, định phí quản lý và phục vụ cấp khoa, cấp trường, định phí quản lý và phục vụ HS.

Thặng dư mục tiêu: mặc dù mục đích không phải là lợi nhuận nhưng các trường vẫn cần phải cân đối giữa chi phí và thu nhập và tạo ra một khoản thặng dư nhằm chi tiêu cho hoạt động phúc lợi chung của đơn vị như tăng thu nhập cho giáo viên, trợ cấp khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động phong trào, hỗ trợ cho HS, tích lũy để phát triển nhà trường trong tương lai.

Số dư đảm phí mục tiêu: là số dư đảm phí mà các trường muốn đạt được để có thể bù đắp được định phí và tạo ra thặng dư mục tiêu.

Ứng dụng của mô hình phân tích mối quan hệ CVP:

Phân tích điểm hoà vốn:

Phân tích điểm hoà vốn giúp Hiệu trưởng có thể xem xét quá trình đào tạo một cách chủ động và tích cực, xác định được trong trường hợp nào thì mở rộng, duy trì hay thu hẹp quy mô đào tạo nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Đối với trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, phân tích điểm hoà vốn chính là xác định mức thu nhập nhất định đủ bù đắp chi phí của quá trình đào tạo. Tại điểm hoà vốn số dư đảm phí bằng định phí, thặng dư bằng không. Hay nói cách khác, xác định điểm hoà vốn chính là xác định số lượng HS tối thiểu cần đào tạo để số dư đảm phí có thể bù đắp định phí.

$$\text{Số lượng học sinh tối thiểu (Sản lượng hòa vốn)} = \frac{\text{Định phí}}{\text{Số dư đảm phí tính trên 1HS}}$$

Công thức 3.3. Công thức tính số lượng học sinh tối thiểu

$$\text{Thu nhập hòa vốn} = \frac{\text{Định phí}}{\text{Tỷ lệ số dư đảm phí}}$$

Công thức 3.4. Công thức tính thu nhập hóa vốn

Từ việc xác định số lượng HS đào tạo tối thiểu, nhà trường có thể xác định số lượng HS cần thiết đào tạo để đạt thặng dư mục tiêu.

$$\text{Số lượng học sinh đạt thặng dư mục tiêu} = \frac{\text{Định phí} + \text{Thặng dư mục tiêu}}{\text{Tỷ lệ số dư đảm phí tính trên 1 HS}}$$

Công thức 3.5. Công thức tính số lượng học sinh đạt thặng dư mục tiêu

Số dư đảm phí trong các công thức trên được tính bằng số bình quân vì chi phí đào tạo mỗi ngành khác nhau nên số dư đảm phí cũng khác nhau.

Sử dụng năng lực nhân rồi:

Khi đã đạt được thặng dư mục tiêu nghĩa là đã bù đắp đủ chi phí và có thặng dư, nhà trường có thể mở thêm các lớp ngắn hạn, các lớp hè,... với mức học phí thấp hơn vì đối với các lớp này, chi phí chỉ bao gồm biến phí, do đó số dư đảm phí chính là thặng dư (Lưu ý: đây chỉ là những lớp đặc biệt chứ không phải những lớp thông thường khác vì trong lĩnh vực đào tạo, không thể có trường hợp trong một trường, cùng một ngành, cùng một loại hình đào tạo lại có những mức học phí khác nhau (điều này khác với giá bán sản phẩm ở các doanh nghiệp).

3.3.5 Kiểm soát chất lượng toàn diện (TQC)

Để đảm bảo sự thành công trong môi trường cạnh tranh toàn cầu đòi hỏi mọi tổ chức kể cả các tổ chức hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận phải cải tiến chất lượng toàn diện. Chất lượng được định nghĩa khác nhau từ những góc nhìn khác nhau. Trong giáo dục cũng vậy, việc đưa ra một định nghĩa được tất cả mọi người chấp nhận là điều không thể. Người ta thấy rằng các định nghĩa chất lượng nói chung và chất lượng giáo dục nói riêng hình như luôn thay đổi. Như vậy, chất lượng được xem là đích đến luôn thay đổi và có tính lịch sử cụ thể.

Theo tiêu chuẩn của Cộng hoà Pháp: Chất lượng là tiềm năng của một sản phẩm hay dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu người sử dụng. Theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 8402: Chất lượng là tập hợp các đặc tính của một thực thể (đối tượng) tạo cho thực thể đó có khả năng thoả mãn những nhu cầu đã nêu ra hoặc nhu cầu tiềm ẩn.

Theo bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và mô hình quản lý chất lượng tổng thể thì chất lượng được định nghĩa là sự đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Chất lượng của giáo dục gồm 2 mặt là chất lượng bên trong và chất lượng bên ngoài.

Chất lượng bên trong của giáo dục là sự đạt được mục tiêu đào tạo do các cơ sở giáo dục đề ra. Giáo dục đào tạo cũng được xem là hoạt động dịch vụ vì nó cung cấp kiến thức, kỹ năng, hình thành thái độ, làm gia tăng giá trị sức lao động, trong một chừng mực nhất định chịu sự chi phối của quy luật thị trường. Khi sản phẩm đào tạo của nhà trường đạt được các mục tiêu đề ra thì có thể nói rằng sản phẩm đạt được chất lượng nhưng đó chỉ mới là chất lượng bên trong.

Chất lượng bên ngoài của giáo dục là sự thoả mãn những nhu cầu của người sử dụng sản phẩm của giáo dục, của các loại khách hàng trong xã hội. Giáo dục chuyên nghiệp được xem như một dịch vụ có khách hàng rất đa dạng với nhiều cấp độ khác nhau, nhiều nhu cầu khác nhau. Các khách hàng bên ngoài gồm có: người học, cha mẹ học sinh, người sử dụng lao động, Nhà nước, xã hội. Khách hàng bên trong là đội ngũ giáo viên và cán bộ viên chức.

Các tiêu chí đánh giá chất lượng của cơ sở giáo dục chuyên nghiệp

- Đầu vào:

- Học sinh sinh viên
- Chương trình đào tạo
- Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý
- Tài chính
- Cơ sở vật chất kỹ thuật

- Quá trình:

- Bộ máy tổ chức
- Tổ chức quá trình đào tạo
- Khai thác và sử dụng các nguồn lực ở trường
- Quan hệ với người sử dụng lao động qua đào tạo

- Đầu ra:

- Chất lượng học sinh tốt nghiệp
- Hiệu quả ngoài

Trong giáo dục tiêu chuẩn chất lượng duy nhất được chấp nhận là Zero đối với sản phẩm không đạt chất lượng ở đầu ra. Để đạt được tiêu chuẩn chất lượng như trên cần phải:

- Phải nhận thức rằng chất lượng phải được quan tâm ngay từ khâu thiết kế sản phẩm, hoàn toàn không thể đạt được bằng việc kiểm tra chất lượng

- Trách nhiệm phát hiện ra các sản phẩm không đạt chất lượng chuyển từ nhân viên kiểm soát chất lượng sang nhân viên trực tiếp tạo ra sản phẩm, muốn vậy phải quan tâm đến công tác huấn luyện nhân sự.

- Những đòi hỏi về chất lượng cũng đòi hỏi quan tâm đến yếu tố đầu vào. Công cụ dùng để đánh giá chất lượng

- Công cụ phi tài chính:

- Đánh giá chất lượng yếu tố đầu vào
- Đánh giá chất lượng quá trình sản xuất
- Đánh giá chất lượng dựa vào khách hàng

- Công cụ tài chính: Chi phí của chất lượng được định nghĩa như là chi phí cho việc không áp dụng TQC, phát sinh từ các chi phí do việc sản xuất các sản phẩm không đạt

tiêu chuẩn. Chi phí của chất lượng có thể phân thành 4 nhóm: chi phí cho việc kiểm tra chất lượng, chi phí kiểm soát chất lượng, chi phí đảm bảo chất lượng, chi phí quản lý chất lượng tổng thể.

- Chi phí cho việc kiểm tra chất lượng (kiểm tra đầu ra): là những khoản chi phí cho việc đo lường, phân loại sản phẩm, phát hiện và loại bỏ sản phẩm không đạt yêu cầu. Đối tượng quản lý là các sản phẩm ở khâu cuối cùng của quá trình sản xuất. Như vậy, bản thân hoạt động kiểm tra không thể cải thiện được chất lượng sản phẩm. Hay nói cách khác là kiểm tra không tạo dựng được chất lượng. Hơn nữa sản phẩm của giáo dục chuyên nghiệp là sản phẩm đặc biệt, đó là con người nên không thể có phế phẩm để loại bỏ được. Vì vậy khoản chi phí này phải bằng không.

- Chi phí kiểm soát chất lượng: đây là những khoản chi phí tập trung vào các khâu, các yếu tố liên quan đến chất lượng. Đối với giáo dục chuyên nghiệp, chi phí kiểm soát tập trung vào các yếu tố sau: chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh sinh viên, chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng cơ sở hạ tầng.

- Chi phí đảm bảo chất lượng (quản lý cả đầu vào, quy trình và đầu ra)

Đảm bảo chất lượng là mọi hoạt động có kế hoạch, có hệ thống và được khẳng định nếu cần để đem lại lòng tin thoả đáng rằng sản phẩm thoả mãn các yêu cầu đã định đối với chất lượng.

Đảm bảo chất lượng dựa trên nguyên tắc “không lỗi”. Để có thể đảm bảo chất lượng theo nghĩa như vậy, người cung cấp sản phẩm dịch vụ đào tạo phải xây dựng một hệ thống chất lượng có hiệu lực và hiệu quả (đảm bảo chất lượng bên trong) đồng thời làm thế nào để chứng tỏ cho khách hàng biết điều đó (thông qua việc kiểm định chất lượng). Đảm bảo chất lượng chính là cách để có các sản phẩm đạt được chất lượng như đã thiết kế theo các chuẩn mực đã định trước, đảm bảo chất lượng diễn ra trước và trong quá trình đào tạo với mục tiêu phòng ngừa triệt để các sản phẩm không đạt chất lượng thông qua các quy trình, thủ tục và các hướng dẫn cần thiết để triển khai các công việc. Tuy nhiên, trong giáo dục không chỉ đảm bảo chất lượng theo các chuẩn mực đã định trước mà còn phải thường xuyên nâng cao chất lượng. Đó chính là quản lý chất lượng toàn diện.

- Chi phí cho việc quản lý chất lượng toàn diện:

Quản lý chất lượng toàn diện là cách quản lý chất lượng dựa trên sự tham gia của tất cả các thành viên. Với phương thức quản lý chất lượng toàn diện, mọi người trong tổ chức đều tự giác nhận thấy trách nhiệm của mình trước khách hàng và có ý thức không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm để thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng. Đây là phương thức quản lý chất lượng cao nhất, hướng tới việc thường xuyên nâng cao chất lượng. Mỗi người trong tổ chức đều thấm nhuần các giá trị văn hoá chất lượng cao. Ở đây vai trò của người sản xuất là tối đa.

Chi phí cho việc thực hiện đảm bảo chất lượng toàn diện trong trường chuyên nghiệp bao gồm những nội dung sau:

- + Tuyên bố chính sách chất lượng
- + Xây dựng tổ chức đảm bảo chất lượng trong trường
- + Xây dựng kế hoạch chiến lược cho nhà trường
- + Xây dựng chương trình đào tạo
- + Xây dựng bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng cho nhà trường
- + Kiểm định chất lượng
- + Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện.

Một nhà trường muốn tương lai phù hợp với xu thế phát triển của xã hội thì cần phải có sự thay đổi đồng bộ từ mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, để có sự thay đổi toàn diện cần phải xem xét trường học với một góc nhìn hệ thống, có một nhận thức mới về chất lượng đào tạo và cần thiết phải chuyển đổi mô hình quản lý theo chức năng sang mô hình quản lý theo quá trình để kiểm soát chặt chẽ quá trình đào tạo, gia tăng tính ổn định chất lượng giáo dục. Nhưng muốn kiểm soát được quá trình thì cần phải có những quy trình, quy định, những tiêu chí đánh giá cho từng khâu của quá trình.

3.3.6 Xây dựng những nội dung chưa có trong kế toán quản trị

- Kế hoạch tự chủ tài chính đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học chẳng hạn như tổ chức đấu thầu các hợp đồng nghiên cứu khoa học, đào tạo.
- Quản lý tài chính đúng luật, công khai, minh bạch: thủ tục quy trình lập dự toán, quyết toán, thủ tục quy trình thanh toán trong trường. Hướng dẫn việc lập báo cáo thuế.
- Sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch, hiệu quả: thủ tục quy trình phân tích cơ cấu thu chi. Hướng dẫn việc tính điểm hoà vốn.
- Tiến hành phân tích điểm hoà vốn để có thể mở thêm các lớp ngắn hạn, các lớp hè,... tận dụng nguồn lực nhân rồi.
- Điều chỉnh kỳ kế toán trùng với năm học nghĩa là bắt đầu từ ngày 01/9 và kết thúc ngày 31/8 năm sau, như vậy sẽ phù hợp với chu trình đào tạo, tạo điều kiện thuận tiện cho việc tính giá thành sản phẩm đào tạo.
- Xây dựng phần mềm kế toán quản trị. Nhà trường có thể tự xây dựng phần mềm kế toán quản trị bằng cách kết hợp các bộ phận khác nhau như phòng kế toán, phòng đào tạo, phòng tổ chức hành chính, khoa công nghệ thông tin để xây dựng. Giải pháp này sẽ đỡ tốn kém chi phí nhưng lại mất nhiều thời gian và có thể mang lại hiệu quả hoặc không vì nó tùy thuộc vào trình độ chuyên môn của các nhân viên liên quan trong dự án (giáo viên khoa công nghệ thông tin thông thạo về phần mềm nhưng không am hiểu về kế toán, nhân viên kế toán). Đơn vị cũng có thể chọn giải pháp mua phần mềm kế toán quản trị chuyên nghiệp. Tuy nhiên hiện nay trên thị trường chưa có phần mềm nào dành cho kế toán quản trị trường học.
- Xây dựng hệ thống thông tin kế toán tự động hoá các quy trình tính toán để đảm bảo tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin cho người sử dụng. Hệ thống thông tin kế toán được định nghĩa như là một hệ thống thông tin trong một tổ chức. Hệ thống này chứa đựng quá trình chuyển đổi các sự kiện kinh tế (các giao dịch kế toán) thành các thông tin hữu ích (báo cáo) và sử dụng kiểm soát nội bộ nhằm giới hạn ảnh hưởng của môi trường bên ngoài vào hệ thống. Được xây dựng trên mô hình quản lý thông tin phản hồi hoặc mô hình quản lý thông tin định hướng tương lai và là một hệ thống

thông tin chủ đạo nên hệ thống thông tin kế toán thu thập, lưu trữ, phân tích và cung cấp linh hoạt các chỉ tiêu đánh giá, báo cáo đánh giá trách nhiệm và thành quả hoạt động đến từng phòng ban, quy trình, cá nhân trong tổ chức.

- Để lập được một dự toán ngân sách đầy đủ và hiệu quả đòi hỏi cán bộ và nhân viên liên quan (Ban giám hiệu, chuyên viên, các trưởng phó phòng, ban, khoa) cần phải có kiến thức về lĩnh vực kế toán, quản lý trường học, công tác lập kế hoạch và dự toán.

- Để lập dự toán một cách hợp lý và có cơ sở khoa học đồng thời giúp các nhà quản trị kiểm soát được chi phí cần phải xây dựng một hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

- Ngoài việc định lượng kết quả bằng cách thông qua hệ thống kế toán các trung tâm trách nhiệm, đơn vị còn phải thiết lập hệ thống khuyến khích vật chất để động viên các cấp quản lý trong tổ chức quan tâm hơn đến kết quả hoạt động của đơn vị.

- Muốn kiểm soát chất lượng toàn diện thì phải tập trung vào nhóm chi phí phòng ngừa bằng cách:

+ Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức các kiến thức kỹ năng về tiêu chuẩn quản lý chất lượng toàn diện, tổ chức thực hiện, đánh giá nội bộ, phân tích, thống kê, đánh giá kết quả.

+ Xây dựng hệ thống tài liệu phù hợp với quy trình kiểm soát chất lượng toàn diện.

+ Hỗ trợ phương tiện, cơ sở vật chất theo yêu cầu: văn phòng phẩm, tủ, kệ, bìa đựng hồ sơ,...

- Đối với nhân viên kế toán ngoài việc phải chấp hành các chế độ, chính sách về tài chính kế toán còn phải tuân thủ đạo đức nghề nghiệp nhằm tránh việc nhân viên kế toán quản trị tiết lộ thông tin bí mật của đơn vị, tránh các hành động làm mất uy tín nghề nghiệp, tránh truyền đạt thông tin sai lệch,... phải thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Ngoài ra một giải pháp không thể thiếu để vận dụng kế toán quản trị một cách tốt nhất vào các trường học nói riêng và các đơn vị hành chính sự nghiệp nói chung là vấn

đề đào tạo nguồn nhân lực thực hiện kế toán quản trị. Hiện nay vấn đề đào tạo ở các trường vẫn còn xem nhẹ kế toán quản trị đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán quản trị doanh nghiệp thì có đưa vào nhưng cũng chỉ mới là lý thuyết suông nên khi các sinh viên ra trường về làm việc tại các đơn vị này khi vận dụng kế toán quản trị rất bỡ ngỡ và khập khễnh. Vì vậy việc xây dựng một chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán đi sâu vào kế toán quản trị là điều rất cần thiết đối với nơi đào tạo nhân lực kế toán quản trị (trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện chuyên về kinh tế), phải có phương pháp đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành (thực tập tại các cơ sở hoặc xây dựng phòng thực hành ảo) bởi vì đó cũng là một ngành ứng dụng trong thực tế. Có như vậy sinh viên tốt nghiệp ra trường khi đi làm mới có thể thực hiện kế toán quản trị một cách bài bản, khoa học.

- Và cuối cùng, điều quan trọng là cần nâng cao nhận thức và trình độ quản lý về lĩnh vực tài chính kế toán cho các nhà quản trị các trường để các nhà quản trị biết yêu cầu bộ phận kế toán quản trị cung cấp những thông tin thích hợp đồng thời phải có kiến thức phân tích và sử dụng thông tin.

Kết luận chương 3

Từ thực trạng về hệ thống kế toán tại trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn cho thấy việc vận dụng kế toán quản trị tại đơn vị này còn rất hạn chế, vì vậy trong phần này luận văn đã nêu ra một số nội dung kế toán quản trị có thể vận dụng trong các trường chuyên nghiệp, đó là việc phân tích chi phí và lập dự toán ngân sách; kế toán các trung tâm trách nhiệm,...

Để thực hiện được các nội dung trên trong phần này luận văn cũng nêu lên các giải pháp đó là việc vận dụng chế độ kế toán quản trị doanh nghiệp (theo thông tư số 53/2006/TT-BTC) vào các đơn vị sự nghiệp; xây dựng bộ máy kế toán trong đó kết hợp hài hoà kế toán quản trị và kế toán tài chính, ngoài ra cũng cần phải có những nội dung chưa có trong kế toán quản trị để hỗ trợ như chính sách của Nhà nước, đối với các nơi đào tạo nhân lực kế toán quản trị; bản thân nhà trường phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên kế toán quản trị, tổ chức ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác kế toán và cuối cùng là nâng cao nhận thức của nhà quản trị về tầm quan trọng của kế toán quản trị.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học, công nghệ thông tin và nhu cầu sử dụng thông tin trong việc ra quyết định kinh tế, yêu cầu về chất lượng, số lượng thông tin do kế toán cung cấp đòi hỏi ngày càng cao, phong phú và đa dạng hơn. Nếu xét về phạm vi phục vụ chủ yếu của thông tin do kế toán cung cấp thì kế toán phân thành kế toán tài chính và kế toán quản trị. Trong đó kế toán tài chính phản ánh thông tin quá khứ, mang tính khách quan, kế toán quản trị phản ánh thông tin linh hoạt, hướng về tương lai. Tuy có nhiều điểm khác biệt song giữa chúng cũng có những điểm giống nhau và có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Đã từ lâu, kế toán quản trị đã trở thành một công cụ quan trọng của các nhà quản trị doanh nghiệp, nó có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo, qua việc nghiên cứu, khảo sát hệ thống kế toán ở một số trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cho thấy hệ thống cung cấp thông tin kế toán tại các đơn vị này còn nặng về quản lý tài chính theo kiểu cấp phát và thông tin kế toán chủ yếu cung cấp cho cơ quan chủ quản, cho cấp trên mang tính đối phó, do đó chưa cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị ở các trường trong việc ra quyết định. Trong bối cảnh hiện nay, với chính sách xã hội hoá giáo dục và quá trình hội nhập với khu vực và quốc tế, sự cạnh tranh cũng đã và đang diễn ra trong lĩnh vực giáo dục. Nếu các nhà quản trị không nắm bắt được thông tin một cách kịp thời để ra quyết định sẽ không thể cạnh tranh và tồn tại được. Vì vậy việc vận dụng kế toán quản trị vào các trường chuyên nghiệp nói chung và trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn nói riêng là một tất yếu khách quan để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu và tăng cường tính cạnh tranh. Tuy nhiên, không phải tất cả những nội dung của kế toán quản trị đều có thể vận dụng dễ dàng vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, điều này xuất phát từ đặc điểm của nó khác với doanh nghiệp là hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Trong phạm vi luận văn này, tác giả nêu ra các nội dung của kế toán quản trị có thể vận dụng vào trường Cao

đẳng nghề Lạng Sơn đó là xây dựng dự toán theo hướng phát triển, vận dụng phân tích chi phí và lập dự toán ngân sách, vận dụng kế toán quản trị Doanh nghiệp vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn..., ngoài ra cũng cần phải có những nội dung chưa có trong kế toán quản trị để hỗ trợ như chính sách của Nhà nước, đối với các nơi đào tạo nhân lực kế toán quản trị; bản thân nhà trường phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên kế toán quản trị, tổ chức ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác kế toán.

Để thực hiện các nội dung trên, luận văn đã nêu lên các giải pháp về vận dụng chế độ kế toán quản trị doanh nghiệp vào trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn có điều chỉnh cho phù hợp, xây dựng bộ máy kế toán quản trị trong mối liên hệ với bộ máy kế toán nói chung của đơn vị. Ngoài ra cũng cần có một số giải pháp hỗ trợ từ phía cơ quan Nhà nước, các nơi đào tạo nguồn nhân lực thực hiện kế toán quản trị, người trực tiếp làm kế toán quản trị, sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và cuối cùng là nhận thức của nhà lãnh đạo nhà trường.

Mặc dù đã hết sức cố gắng và được sự hướng dẫn tận tình của thầy cô và sự giúp đỡ của các bạn đồng nghiệp nhưng do khả năng nghiên cứu có giới hạn nên luận văn không thể tránh khỏi thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ dẫn thêm của thầy cô và các bạn để luận văn được hoàn thiện hơn

2. Kiến nghị

a. Đối với UBND tỉnh Lạng Sơn

- Cần chỉ đạo sở Tài chính tổ chức nhiều các lớp tập huấn, bồi dưỡng hằng năm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ kế toán.
- Mở các lớp đào tạo chuyên sâu về tài chính cho đội ngũ các Hiệu trưởng của trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b. Đối với trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn

- Cần phải sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của phòng Tài vụ để phân định rõ các nội dung kế toán cho phù hợp với công tác kế toán quản trị. Tránh trường hợp các nội dung thực hiện bị chồng chéo.

- Cần thiết có thể tổ chức thành lập tổ nghiên cứu thiết kế phần mềm kế toán quản trị để ứng dụng vào công tác kế toán quản trị của trường từ đội ngũ các giáo viên của các phòng, khoa chuyên môn có liên quan.
- Thường xuyên cử cán bộ kế toán tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và cập nhật các phần mềm ứng dụng kế toán trong công tác kế toán quản trị của trường

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 Các văn bản pháp quy

- [1]. Quốc hội. *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11* ngày 29/11/2005 Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2005;
- [2]. Quốc hội. *Luật Kế toán số 03/2003/QH11* ngày 17/6/2003; Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2003;
- [3]. Quốc hội. *Luật Giáo dục nghề nghiệp số: 74/2014/QH13* ngày 27/ 11/ 2014; Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2014
- [4]. Chính phủ. *Nghị định số 129/2004/NĐ-CP* ngày 31/5/2004 *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh*, Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2004;
- [5]. Chính phủ. *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP*, ngày ngày 14 tháng 02 năm 2015 về việc *Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*; Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2015;
- [6]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. *Nghị quyết số 29-NQ/TW* ngày 4/11/2013 của về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*; Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2013;
- [7]. Bộ Tài chính. *Thông tư số 53/2006/TT-BTC* ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2006;
- [8]. Liên Bộ Giáo dục& Đào tạo; Bộ tài chính; Bộ lao động thương binh & xã hội *Thông tư liên tịch Số: 29/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH*, ngày 26 tháng 08 năm 2014 về việc *Quy định về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế đối với hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề*; Nhà xuất bản NXB Pháp luật, Hà Nội, 2014

2 Giáo trình

[9] Nguyễn Phú Giang, *Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính

[10] Đặng Thị Loan, *Kế toán tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp có thu*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân;

[11] Nguyễn Ngọc Quang, *Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân;

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

DANH MỤC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

STT	TÊN CHỨNG TỪ	SỐ HIỆU	LOẠI CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	
			BB	HD
1	2	3	4	5
A	Chứng từ kế toán ban hành theo Quyết định			
I	Chỉ tiêu lao động tiền lương			
1	Bảng chấm công	C01-HD		X
2	Bảng chấm công làm thêm giờ	C02-HD		X
3	Giấy báo làm thêm giờ	C03-HD		X
4	Bảng thanh toán tiền lương	C04-HD		X
5	Bảng thanh toán thu nhập tăng thêm	C05-HD		X
6	Bảng thanh toán học bổng (Sinh hoạt phí)	C06-HD		X
7	Bảng thanh toán tiền thưởng	C07-HD		X
8	Giấy đi đường	C08-HD		X
9	Bảng thanh toán làm thêm giờ	C09-HD		X
10	Hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm	C10-HD		X
11	Bảng thanh toán tiền thuê ngoài	C11-BB	X	
12	Biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán	C12-BB	X	
13	Bảng kê trích nộp các khoản theo lương	C13-HD		X
14	Bảng kê thanh toán công tác phí	C14-HD		X
II	Chỉ tiêu vật tư			X
1	Phiếu nhập kho	C15-HD		X
2	Phiếu xuất kho	C16-HD		X
3	Giấy báo hỏng, mất công cụ, dụng cụ	C17-HD		X
4	Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	C18-BB	X	
5	Bảng kê mua hàng	C19-HD		X
6	Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	C20-HD		X
III	Chỉ tiêu tiền tệ			X

STT	TÊN CHỨNG TỪ	SỐ HIỆU	LOẠI CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	
			BB	HD
1	Phiếu thu	C21-HD		X
2	Phiếu chi	C22-HD		X
3	Giấy đề nghị tạm ứng	C23-HD		X
4	Giấy thanh toán tạm ứng	C24-HD		X
5	Biên bản kiểm kê quỹ (Dùng cho đồng Việt Nam)	C25-HD		X
6	Biên bản kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý)	C26-HD		X
7	Giấy đề nghị thanh toán	C27-HD		X
8	Biên lai thu tiền	C28-HD		X
9	Bảng kê chi tiền cho người tham dự hội thảo, tập huấn	C29-HD		X
10	Bảng kê chi tiền cho người tham dự hội thảo, tập huấn	C30-HD		X
IV	<i>Chỉ tiêu tài sản cố định</i>		X	
1	Biên bản giao nhận TSCĐ	C31-BB	X	
2	Biên bản thanh lý TSCĐ	C32-BB	X	
3	Biên bản đánh giá lại TSCĐ	C33-BB	X	
4	Biên bản kiểm kê TSCĐ	C34-BB	X	
5	Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành	C35-BB	X	
6	Bảng tính hao mòn TSCĐ	C36-HD		X
7	Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	C37-HD		X
B	Chứng từ kế toán ban hành theo các văn bản pháp luật khác			X
1	Giấy xác nhận hưởng viện trợ không hoàn lại	C37-HD		X
2	Giấy xác nhận tiền viện trợ không hoàn lại	C38-HD		X
3	Bảng kê chứng từ gốc gửi nhà tài trợ	C39-HD		X
4	Đề nghị ghi thu- ghi chi ngân sách tiền, hàng viện trợ	C40-HD		X
5	Hoá đơn GTGT	C41-BB	X	
6	Hoá đơn bán hàng thông thường	C42-BB	X	
7	Phiếu xuất kho khi vận chuyển nội bộ	C43-HD		X
8	Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý	C44-HD		X

STT	TÊN CHỨNG TỪ	SỐ HIỆU	LOẠI CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	
			BB	HD
9	Hoá đơn bán lẻ (Sử dụng cho máy tính tiền)	C45-HD		X
10	Bảng kê thu mua hàng hóa mua vo không có hóa đơn	C46-HD		X
11	Giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng BHXH	C47-HD		X
12	Danh sách người nghỉ hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản	C48-HD		X
13	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng	C49-HD		X
14	Giấy nộp trả kinh phí bằng tiền mặt	C50-HD		X
15	Giấy nộp trả kinh phí bằng chuyển khoản	C51-HD		X
16	Ủy nhiệm thu	C52-HD		X
17	Ủy nhiệm chi	C53-HD		X
18	Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư	C54-HD		X
19	Giấy nộp trả vốn đầu tư bằng tiền mặt	C55-HD		X
20	Giấy nộp trả vốn đầu tư bằng chuyển khoản	C56-HD		X
21	Giấy ghi thu - ghi chi vốn đầu tư	C57-HD		X

Ghi chú:

- HD: Hướng dẫn.

- BB: Bắt buộc.

HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

(Theo quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính)

- Bảng cân đối tài khoản
- Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng
- Báo cáo thu - chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định
- Báo cáo số kinh phí chưa sử dụng đã quyết toán năm trước chuyển sang
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động
- Báo cáo chi tiết kinh phí dự án
- Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc Nhà nước
- Bảng đối chiếu tình hình tạm ứng và thanh toán tạm ứng kinh phí ngân sách tại kho bạc Nhà nước